

**Đức Kiên
(Phạm Quốc Trung)**

**Những mẫu chuyện
Phật giáo
dành cho thiếu nhi
(Tập 2)**



Tp. Hồ Chí Minh, Tháng 4/ 2016

LỜI NÓI ĐẦU

Sau khi xuất bản tập 1 « Những mẫu chuyện Phật giáo dành cho thiếu nhi », tác giả đã nhận được nhiều phản hồi, góp ý tích cực và khuyến khích tiếp tục mở rộng các câu chuyện Phật giáo hướng tới các đối tượng thiếu niên nhi đồng. Nhận thấy, tác dụng tích cực của những mẫu chuyện này đối với việc gieo mầm Phật pháp ở lứa tuổi mầm non, thiếu nhi, tác giả có động lực hoàn thiện tập 2, với mong muốn hệ thống hóa các câu chuyện xoay quanh cuộc đời Đức Phật, các đệ tử lớn và các bài giảng của ngài trong suốt cuộc đời hoằng hóa.

Trung thành với mục tiêu ban đầu là hướng tới đối tượng độc giả là các em nhỏ ở tuổi thiếu niên, nhi đồng, và hỗ trợ cho các bậc phụ huynh trong việc giáo dục trẻ, nên các câu chuyện được chọn lọc dựa trên tiêu chí ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với tâm lý của trẻ nhỏ. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng hướng tới mục tiêu nâng cao hiểu biết về Phật pháp bằng cách hệ thống hóa những câu chuyện về cuộc đời đức Phật và những giáo lý căn bản trong Phật pháp. Hy vọng, qua những câu chuyện này, trẻ sẽ trở nên quen thuộc với các khái niệm như : Đản sanh, Niết bàn, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Khổ, Vô thường, Vô ngã... là những giáo lý căn bản của đạo Phật, để từ đó có thể tìm hiểu thêm và ứng dụng vào cuộc sống hàng ngày ở trường và ở nhà.

Bên cạnh các câu chuyện gắn liền với Đức Phật, một số truyện ngụ ngôn về loài vật, cổ tích Phật giáo cũng được đưa vào nhằm giúp các em cảm thấy vui thích qua các hình ảnh thân thương của

các loài vật, giúp các em hiểu biết hơn về thế giới tự nhiên, cũng như phát triển lòng yêu thiên nhiên, và biết bảo vệ môi trường sống chung. Mong rằng tập sách sẽ mang đến cho các em thiếu nhi và quý vị phụ huynh những giờ phút thư giãn bổ ích và thú vị, đồng thời gieo mầm đạo đức và nuôi dưỡng tâm hồn hướng thượng, hướng thiện nơi các bé, qua những câu chuyện Phật giáo được chọn lọc một cách cẩn thận. Chúc các em nhỏ và các bậc phụ huynh có những niềm vui khi đọc cuốn sách này, và ứng dụng được những điều Phật dạy trong cuộc sống để gia đình luôn an lạc và hạnh phúc !

Nhân đây, cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đối với các tác giả, tác phẩm, hình vẽ đã được tham khảo trong tuyển tập này, mà tác giả không có điều kiện liên lạc và xin phép. Cũng gửi tặng món quà này đến bà xã và các con, những người luôn bên cạnh động viên, và khuyến khích tôi hoàn thành tập sách này.

Mong tiếp tục nhận được sự hưởng ứng từ các em thiếu nhi và các bậc phụ huynh đối với Những mẫu chuyện Phật giáo dành cho thiếu nhi tập 2 này. Rất mong nhận được các góp ý để bổ khuyết cho lần tái bản sau được hoàn thiện hơn. Mọi góp ý xin gửi về địa chỉ e-mail: pqtrung@gmail.com

Tác giả kính bút,

Đức Kiên (Phạm Quốc Trung)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	2
MỤC LỤC.....	4
PHẦN A – CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT	7
1. Ngày đản sanh.....	8
2. Bốn cửa thành	11
3. Xuất gia tìm đạo.....	17
4. Sáu năm khổ hạnh	19
5. Đêm thành đạo	21
6. Chuyển pháp luân.....	23
7. Trở về quê hương	25
8. Thuyết pháp ở cung trời Đao-Lợi	30
9. Nhập Niết Bàn.....	33
10. Phân chia Xá Lợi.....	35
PHẦN B – ĐẠI ĐỆ TỬ, HỘ PHÁP CỦA PHẬT.	36
11. Xá Lợi Phất.....	37
12. Mục Kiền Liên	42
13. A Nan	46
14. Đại Ca Diếp	54
15. Ca Chiên Diên.....	57
16. Tu Bồ Đề	60
17. Phú Lâu Na	65
18. A Na Luật	68
19. Ưu Ba Ly	74
20. Ba Xà Ba Đề	80

21. Vi Đề Hi	82
22. Cấp Cô Độc.....	84
PHẦN C – LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT	86
23. Bài giảng đầu tiên.....	87
24. Điềm lành tối thượng.....	93
25. Ví dụ mũi tên	101
26. Năm tro tàn	105
27. Người mẹ	107
28. Bà lão bộc	112
29. Hóa độ tướng cướp Vô Nã.....	117
30. Tại sao phải niệm Phật?.....	120
31. Vàng Hay Rắn.....	122
32. Lời Dạy Cuối Cùng	125
PHẦN D – TRUYỆN NGŨ NGÔN, CỔ TÍCH PHẬT GIÁO.....	133
33. Ba câu hỏi	134
34. Đòi người trong một câu	141
35. Cái bẫy khi.....	144
36. Hươu con thoát chết	145
37. Chuyện con báo.....	146
38. Voi hiếu dưỡng mẹ.....	147
39. Vua A Dục ngưỡng mộ Phật Pháp	151
40. Con voi của vua Udena	153
41. Một ít cháo	155
42. Sa di Tăng-Hộ	157
43. Chim Anh Vũ.....	159

44. Chọn nơi ở thích hợp.....	163
45. Chuyện tiền thân Bồ tát Địa tạng.....	166
46. Quan Âm Thị Kính.....	171
47. Sự tích quả dưa hấu.....	176
48. Chử Đồng Tử - Tiên Dung	182
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	191



PHẦN A – CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT

Ngày đản sanh

Cách đây rất lâu, tại chân núi Hy Mã Lạp Sơn, có một vương quốc nhỏ gọi là Vương quốc Ca Tỳ La Vệ. Ở đây, có vị vua Tịnh Phạn thuộc họ Thích Ca, nổi tiếng về đức hạnh và tài trí, cai quản thống trị. Kinh đô của ngài rất đẹp, đông đúc dân cư và nhiều khu mua bán, ở đó có nhiều người tốt bụng, khôi ngô tuấn tú và mắt sáng. Những người phụ nữ kiêu diễm đi trên đường với những nữ trang lấp lánh. Đường phố tấp nập người qua lại, quý tộc đi xe ngựa, thương nhân cưỡi voi và nông dân đi bộ. Trẻ em chơi đùa và dân làng đang tắm dọc 2 bên bờ sông tràn ngập ánh nắng. Thành phố được bao bọc bởi những vườn cây rộng lớn với nhiều hoa, muôn thú và ao hồ mát mẻ. Những chiến binh dũng cảm đang trên ngựa bảo vệ nhà vua.

Nhà vua có người vợ tên là Ma Da, xinh đẹp, tốt bụng và yêu quý mọi người. Nhà Vua và hoàng hậu rất hạnh phúc, ngoại trừ một điều. Họ chưa có con.

Vào một đêm trăng tròn, Hoàng hậu Ma Da mơ thấy một con voi trắng với sáu ngà. Những vị thông thái tiên đoán rằng — Hoàng hậu sẽ sinh hạ một thái tử tài đức song toàn.

Mọi người trong cung điện chúc mừng khi nghe tin hoàng hậu sẽ sanh hạ thái tử.

Hoàng hậu Ma Da trở về nhà cha mẹ của mình, chuẩn bị sanh nở theo phong tục Ấn Độ. Nhà vua ra lệnh dọn dẹp, trang trí hoa và băng rôn dọc đường.

Khi đoàn tùy tùng đến vườn Lâm Tỳ Ni, hoàng hậu nói, — Chúng ta dừng chân và nghỉ ngơi đêm nay trong vườn cây sum suê kia. Bây giờ là tháng Năm. Những bông hoa trong vườn nở rộ, tỏa mùi hương thơm ngát. Nhưng con chim líu lo vang lừng, những con bướm dập dìu dọc lối đi của hoàng hậu và đoàn tùy tùng. Ánh sáng ban ngày bắt đầu lui dần, Mặt trăng sáng vàng vạc đang cao dần trên ngọn cây.

Hoàng hậu dừng chân dưới cây Sa La. Hoàng hậu với tay hái bông hoa. Ngay lúc đó, một bé trai khôi ngô, được sanh hạ từ hoàng hậu. Thân thể của bé trai phát ánh sáng chói lòa và khuôn mặt khôi ngô, tuấn tú, với nhiều vẻ đẹp. Bầu trời tràn ngập hương thơm và những âm thanh thần tiên. Mọi người ai cũng vui mừng lúc thái tử được sanh hạ. Những con hươu và muôn thú trong vườn, ý thức về sự kiện đặc biệt đã đến và ngăm nhìn thái tử.

Mọi người ngạc nhiên, khi thái tử cất tiếng nói — “Ta là người cao quý nhất thế giới. Ta là người thông thái nhất thế giới. Đây là lần sinh cuối cùng của ta”. Rồi thái tử mỉm cười và đi bảy bước chân. Hoa sen nở dưới chân khi thái tử đi qua.

Lúc đoàn tùy tùng về đến cung điện. Nhà vua nhìn thấy con mình và nói, — Ta rất vui sướng. Hãy để cho mọi người vui sướng với ta.

Trên đỉnh núi cao hiểm trở, có một người tên là A Tư Đà sinh sống, người này rất thông thái có thể đoán trước tương lai. Một ngày kia, ông ấy nhìn thấy hào quang tỏa sáng rực rỡ mọi nơi và biết rằng có thể thái tử đã sinh thành. Ông ấy xuống núi đi

đến cung điện, và chúc mừng nhà vua về sự ra đời của thái tử thiên tài.

— Xin chúc mừng nhà vua và hoàng hậu, đã sinh hạ được cháu bé tài giỏi, A Tư Đà nói với vẻ vui mừng. Rồi bất chợt ông ấy thờ dãi, chảy nước mắt.

Nhà vua lo sợ hỏi, — Liệu sẽ có điều không may với cháu bé?

A Tư Đà trả lời, —Thần không thấy điều gì có thể làm tổn thương cháu bé. Cháu bé này được sinh ra để mang lại hạnh phúc cho thế giới. Cháu bé sẽ trở thành thủ lĩnh của mọi người. Thần khóc bởi hạnh phúc, vì cháu được sinh ra trên mảnh đất của chúng ta. Nhiều điều kì diệu sẽ xảy ra. Thần khóc bởi vì thần chết sớm và không kịp được học hỏi từ người.

Cậu bé này sẽ ngự trị khắp thế giới và trở thành Đức Phật. Tên cậu bé nên đặt là Tất Đạt Đa, có nghĩa là điều ước được thỏa mãn. Vị thông thái không nói gì thêm, ông lui về hang động của mình trên đỉnh núi tuyết phủ. Đức vua và hoàng hậu rất lo lắng khi nghe điều này, vì sợ rằng thái tử sẽ đi tu như lời tiên đoán, và không nối ngôi để trị vì thiên hạ trong tương lai.



Bốn cửa thành

Càng lớn lên, Tất Đạt Đa càng thông minh, học giỏi, và thương yêu mọi người, kể cả những con vật nhỏ bé. Tuy nhiên, lòng tốt và lòng thương người của thái tử làm nhà vua bối rối, luôn nghĩ đến lời tiên đoán của A Tư Đà. Nhà vua quyết định bằng mọi cách không để thái tử nhìn thấy những hình ảnh không vui, có thể làm thái tử từ bỏ những hoa lệ của cung đình vào ngày nào đó.

Nhà vua làm mọi thứ để thái tử hạnh phúc, nhà vua nói với Hoàng hậu Ba Xà Ba Đề, — Ta sẽ xây ba cung điện cho thái tử. Cái thứ nhất được làm bằng gỗ thơm, nó sẽ ấm cúng vào mùa đông. Cái thứ hai sẽ được xây bằng đá cẩm thạch, được dùng vào mùa hè. Cái thứ ba sẽ được xây bằng gạch, dùng cho mùa mưa.

Để cuộc sống thoải mái, nhà vua ra lệnh làm một công viên đẹp có hồ nước dễ thương, có thiên nga và cá bơi tung tăng và hoa sen nở rộ. Nhà vua bảo người hầu — Dọn sạch tất cả những bông hoa héo úa và những chiếc lá rụng trong vườn. Nhà vua không muốn thái tử nhìn thấy bất kỳ điều không hài lòng nào. Tất cả người hầu trong cung điện đều trẻ, khỏe và đẹp. Những người phục vụ giải trí trong cung điện được lệnh ca hát và nhảy múa suốt ngày. Họ không được biểu lộ sự mệt mỏi hoặc buồn rầu. Không một người nào nói chuyện về bệnh tật và đau ốm. Vua ra lệnh xây các bức tường quanh cung điện. Lệnh cho lính canh chùngkhông để thái tử Tất Đạt Đa rời khỏi cung điện mà không có lệnh của vua.

Vào năm 16 tuổi, Thái tử tất Đạt Đa lập gia đình với công chúa trẻ đẹp có tên là Da Du Đa La. Công chúa yêu thương và chăm sóc cho thái tử. Thái tử tiếp tục sống cuộc sống vương gia gần 13 năm sau khi lập gia đình. Thái tử đã được bảo bọc để không biết được những khó khăn trong cuộc sống ở ngoài cung thành. Thái tử hoàn toàn hài lòng với cuộc sống tráng lệ của ngài.

Sống trong thế giới không có gì ngoài hạnh phúc và tiếng cười. Tuy nhiên, một ngày kia, thái tử muốn khám phá những gì đang diễn ra bên ngoài cung điện.

Khi nghe tin như vậy, nhà vua ra lệnh cho mọi người trong thành phố,— Tất cả nhà cửa dọc hai bên đường phải dọn dẹp và trang hoàng. Mọi người đốt trầm thơm và mặc áo quần màu sắc rực rỡ. Tất cả người xin ăn, người già và người ốm phải ở trong nhà cho đến khi thái tử trở về cung điện.

Người đánh xe trung thành của thái tử tên là Cha-Nac, đưa thái tử đi ra ngoài cung điện từ cổng phía Nam. Khi đám đông thành kính nhìn thấy thái tử yêu mến của họ, họ rải hoa và tung hô ngưỡng mộ. Tất Đạt Đa đã vui mừng thấy họ được hạnh phúc.

Ngay lúc đó, một người già xuất hiện bên đường. Thái tử ngạc nhiên khi nhìn thấy một người già. Thái tử hỏi người đánh xe của mình, “Người gì mà tóc trắng và lưng gù như vậy? Mắt của ông ta lim dim, cơ thể của ông ta run lẩy bẩy. Ông ta bước đi bằng cách lê những bước chân khó nhọc theo cái gậy. Thân hình của ông ta bị thay đổi hay ông ta

luôn có hình dạng như vậy? Hãy nói cho ta nghe, Cha-Nac”.

Cha-Nac tránh trả lời sự thật, “Đây không phải là việc của thái tử. Xin đừng bận tâm về chuyện đó”.

Thái tử vẫn khăng khăng hỏi Cha-Nac – “Chỉ có mỗi ông ấy như vậy? hay tất cả chúng ta đều như vậy?”

Lúc này, Cha-Nac chân thành trả lời, “Thưa ngài, chúng ta đều như vậy. Một khi thái tử còn trẻ, tóc sẽ đen và răng trắng. Thời gian trôi đi, thân thể sẽ già nua. Nó xảy ra với mọi người”.

Nghe những lời này, thái tử giật bắn người. Tóc thái tử dựng ngược lên. Thái tử run vì sợ hãi, như con thú hoảng sợ khi thấy sấm chớp. Thái tử lắc đầu,— “Làm sao con người có thể vui sướng khi tuổi già hủy hoại tất cả?” Thái tử nói với người đánh xe,— “Nhanh quay trở lại cung điện, biết rằng tuổi già sẽ gọi đến ta, làm sao ta có thể vui với núi rừng được”.

Vâng lệnh thái tử, Cha-Nac đánh xe nhanh như gió trở về cung điện.

Tất Đạt Đa không thể quên hình ảnh người già. Thái tử suy nghĩ suốt ngày đêm và không thể tìm ra được sự thanh thản trong tâm hồn. Thái tử nói suy nghĩ của mình với Da Du Đa La, “Khi nhìn người già, tất cả những điều tốt đẹp trong thành phố dường như biến mất. Những nét đẹp và nụ cười trong cung điện không thực sự tồn tại với ta. Ta muốn đi thăm thành phố lần nữa để xem nó thực sự

như thế nào. Để thấy người bình thường sống như thế nào”.

Nhà vua không thể chịu nổi khi nhìn thấy con mình không vui, ngài đồng ý cho thái tử ra ngoài thành một lần nữa. Tất Đạt Đa và Cha-Nac đóng giả thành một thương nhân đánh xe đi vào thành phố theo hướng Đông. Lần đầu tiên thái tử thấy người bình thường sống thế nào trong vương quốc của mình. Thái tử thanh thân quan sát những người thợ rèn và những người làm đồ sành sứ đang làm việc. Thái tử nói chuyện với với các thương nhân giàu có trong cửa hàng ngụy nga của họ. Thái tử nói chuyện với những người thợ làm bánh mì. Đột nhiên, thái tử thấy nhìn thấy một người bị bệnh đang nằm dưới đất rên la và cúi gập người vì đau đớn. Thái tử đến bên ông ta và nâng đầu người đàn ông bị đau vào lòng, — “Cha-Nac, chuyện gì đã xảy ra với người đàn ông này?”

Cha-nac vội vàng — “Thưa ngài, đừng chạm vào ông ta! Ông ta bị bệnh truyền nhiễm. Hãy đặt ông ta nằm xuống nếu không thái tử sẽ bị nhiễm bệnh”.

Thái tử lại hỏi — “Chỉ có người đàn ông này bị bệnh hay tất cả mọi người đều bị bệnh như vậy, Cha-Nac? Vợ ta và cha ta cũng sẽ bị bệnh ư? »

Cha-Nac trả lời — « Thưa Ngài, đó là điều tất nhiên xảy ra với mọi người. Mọi người trong thế gian đôi lần bị ốm. Bệnh tật xảy ra bất kỳ lúc nào trong cuộc đời ».

Nghe điều này, thái tử cảm thấy đau xót trong tim,— “Bệnh tật có thể đến bất cứ lúc nào. Như vậy chưa có ai có thể hạnh phúc và vui sướng”. Rồi thái

tử vào xe ngựa, ra lệnh cho Cha-Nac quay trở về nhà.

Tất Đạt Đa trở về cung điện với cảm giác nặng trĩu của sự thất vọng trong lòng. Khi thấy con trai buồn bã như vậy, nhà vua cho thái tử đi thăm công viên ở bên ngoài cung điện ở hướng Bắc. Trong lúc này, Tất Đạt Đa nhìn thấy một xác chết. Từ trước đến nay, Tất Đạt Đa không bao giờ nhìn thấy người chết, thái tử hỏi Cha-Nac, “Có gì bất thường với người này?”

Cha-nac đáp: “Thưa ngài, ông ấy đã chết. Ông ấy không còn cảm nhận điều gì nữa”.

Tất Đạt Đa hỏi, “Ta cũng như vậy? Con trai của nhà vua cũng sẽ chết như người đàn ông này?”

Cha-Nac trả lời — “Vâng, mọi sinh vật đều phải chết. Không một người nào có thể tránh cái chết”.

Tất Đạt Đa vô cùng sửng sốt, thở dài, “Tất cả mọi người biết rằng họ sẽ chết, họ chưa bao giờ có cuộc sống bình yên”.

Thái tử ra lệnh người đánh xe trở về nhà. Đây không phải là lần đi chơi thoải mái. Cuộc sống có thể chấm dứt bất kỳ lúc nào. Làm sao ta có thể vui sướng cho bản thân ta.

Tại cung điện, Tất Đạt Đa suy ngẫm về những điều đã thấy. Thật khủng khiếp để biết rằng mọi người sẽ chết vào ngày nào đó và không một người nào có thể tránh khỏi.

Bấy giờ, Tất Đạt Đa đã biết con người bên ngoài cung điện sống thế nào. Những người ăn xin nằm dọc đường, xin thức ăn. Trẻ em mặc những cái áo

rách buồm đang rên la trên đường phố. Người già, người bị bệnh và người nghèo đang chờ cái chết hiu quạnh. Trong khi, người giàu sống trong những ngôi nhà đẹp mà không chăm sóc cuộc sống người nghèo.

Tất Đạt Đa tự hỏi, — “Những người này có hy vọng gì khi sống? Thậm chí người giàu cũng đau khổ vì tuổi già, bệnh tật và cái chết. Mọi người sinh ra trong thế giới này đều phải đau khổ như vậy. Đau khổ của họ bắt đầu ngay từ lúc mới sinh. Ta phải tìm ra con đường để giúp họ ».

Trong chuyến đi thăm bên ngoài cung điện lần thứ tư, thái tử và Cha-Nac cưỡi ngựa đi qua cổng phía Tây. Họ đi ngang qua vị đạo sĩ mặc áo choàng rách rưới. Nhìn thấy sự tĩnh lặng và thanh bình của đạo sĩ, thái tử hỏi, « Người này là ai? ».

Cha-Nac giải thích với thái tử, « Ông ta là một đạo sĩ đang hành đạo. Ông ta bỏ nhà cửa và nông trại và sự giàu có, Ông ta theo cuộc sống đơn giản và thanh bình cho bản thân ông ta. Ông ta hy vọng sẽ tìm ra chân lý và vượt qua những đau khổ trong thế giới này ».

Tất Đạt Đa, mỉm cười. — « Ta sẽ trở thành tu sĩ như ông ta. Đột nhiên, họ nhận được tin từ cung điện — Công chúa vừa sinh hạ con trai cho thái tử! ». Tất Đạt Đa rất hạnh phúc khi nghe công chúa sinh hạ con trai, nhưng giờ đây, thái tử sẽ khó khăn hơn để thực hiện ước mơ trở thành đạo sĩ. Tên của người con trai là La Hầu La.

Xuất gia tìm đạo

Một hôm, Vua nói với Tất Đạt Đa, « Ta đã già và không còn sức để cai trị triều đình nữa. Đây là lúc con phải thay ta ».

Tất Đạt Đa nói, — « Thừa cha, con rất vui để làm việc đó, nếu vua cha có thể hứa cho con ba điều. Đó là con sẽ không bao giờ già, không bao giờ bị ốm và không bao giờ chết. Nếu cha không làm được những điều này thì hãy cho con làm theo ý con ».

Nhà vua biết rằng không thể thực hiện những điều hứa như vậy. Nhưng nhà vua không thể cam lòng, nên đã ra lệnh cho lính — « Hãy canh cổng ngày đêm và không để thái tử bỏ trốn ».

Điều này vẫn không làm cho thái tử từ bỏ ý định tìm kiếm chân lý cho mình.

Một ngày kia, Tất Đạt Đa lặng lẽ vào phòng công chúa và La Hầu La đang ngủ. Thái tử muốn nhìn thấy vợ và con mình lần cuối. Thái tử không đánh thức họ dậy, vì sợ rằng Da Du Đa La sẽ cố thuyết phục thái tử ở lại. Thái tử rời phòng ngủ với tâm trạng buồn bã. Thái tử quyết định rời cung điện. Điều đó, không có nghĩa rằng thái tử không yêu thương vợ con mình, mà là tình yêu của thái tử ở trong thế giới lớn hơn.

Mãi đến khuya, Tất Đạt Đa và Cha-Nac cưỡi trên con ngựa Kiền Trắc lặng lẽ trốn khỏi cung điện. Lúc này, lính canh cung điện đang say ngủ. Ngựa Kiền Trắc nhảy qua cổng thành như bay, mang theo thái tử và Cha-Nac trên lưng. Ra khỏi cung điện, Tất Đạt Đa dừng lại nhìn lần cuối cùng điện, nơi thái tử trải qua những năm tháng hạnh phúc. Lúc này ánh trăng tỏa sáng mọi nơi. Quyết định xuất gia của Thái tử đã được thực hiện.

Suốt đêm, họ đi về phía Nam. Lúc bình minh, họ đã đến bên bờ sông. Sau khi ngựa Kiên Trắc nhảy qua sông, Tất Đạt Đa nói, «Chúng ta đã an toàn ở đây. Chúng ta hãy dừng và nghỉ ngơi ».

Tất Đạt Đa lấy grom cắt lọn tóc của mình và cởi bỏ áo quần hoàng tộc, cải trang thành người đi săn thú. Thái tử cầm lọn tóc của mình và vật trang sức hoàng gia đưa cho Cha-Nac và nói — «Hãy trở về cung điện với ngựa Kiên Trắc và đưa những thứ này cho nhà vua. Nói với nhà vua rằng ta đang làm những điều đem lại lợi ích cho mọi người ».

Lúc bấy giờ, Tất Đạt Đa 29 tuổi. Kể từ đó Tất Đạt Đa được biết với cái tên nhà hiền triết, Gau Ta Ma.

Khi nhà vua nghe tin con trai của mình trở thành một hiền triết, nhà vua sai các lính canh, — «Đi tìm và mang thái tử về cho ta ». Gau Ta Ma đã đi từ nơi này đến nơi khác vì vậy lính canh phải tốn nhiều công sức đi tìm. Khi thấy thái tử, họ cầu xin, — « Xin thái tử hãy trở về cung điện »

Gau Ta Ma từ chối và nói — « Sau khi ta tìm thấy chân lý và cách thức chấm dứt khổ đau của con người, ta sẽ trở về nhà ».

Không thể lay chuyển được ý chí của thái tử, các người lính tự nguyện đi theo làm bạn tu hành cùng thái tử.

Sáu năm khổ hạnh

Gau Ta Ma đi dọc theo bờ sông Hằng để tìm thầy học đạo. Lúc bấy giờ Alara Kama và Uddaka được coi là người thầy thông thái nhất trong thiên đình, vì vậy Gau Ta Ma đi đến học đạo ở họ. Lần đầu tiên ngài theo học thầy Uddaka rồi sau đó học với thầy Alara. Gau Ta Ma sớm học được những điều thầy dạy, nhưng Gau Ta Ma không được học về cách chấm dứt khổ đau. Gau Ta Ma tự nhủ, — « Tự ta phải tìm ra chân lý ».

Cùng với năm người bạn, Gau Ta Ma đi vào khu rừng gần ngôi làng U Ru Ve La. Nơi đây có một vài đạo sĩ tu theo lối sống khổ hạnh và hành xác với những bài tập nặng nề. Họ tin rằng nếu trải qua sự hành xác đối với cơ thể, họ sẽ hiểu được chân lý. Một vài người ngủ trên giường có gai. Một vài người thực hành kiểu đứng lộn ngược. Tất cả đạo sĩ đều ăn rất ít, vì vậy họ chỉ còn có da bọc xương.

Gau Ta Ma tìm thấy một địa điểm yên lặng gần bờ sông, ngài thực tập những phương pháp khổ hạnh nhất. Ngài ngủ trên giường gai. Ngài ăn một ít gạo và ít hạt vừng mỗi ngày. Có lúc, ngài không ăn uống gì. Thân thể ngài không được chăm sóc, chỉ còn lớp da bọc xương trên thân thể. Những con chim làm tổ trên mái tóc rối, phủ đầy bụi của ngài. Gau Ta Ma ngồi tĩnh lặng hoàn toàn, không bận tâm xua đuổi côn trùng đang bay quanh ngài.

Một đêm khuya, một nhóm thiếu nữ trên đường về nhà đi ngang nơi Gau Ta Ma đang ngồi thiền định. Họ vừa hát, vừa đánh đàn luyt (một dụng cụ âm

nhạc). Gau Ta Ma nghĩ, — Khi sợi dây đàn chùng xuống, âm thanh không vang xa được. Khi sợi dây đàn kéo căng quá nó sẽ bị đứt. Khi dây đàn không quá căng hoặc không quá chùng, âm thanh nó sẽ rất hay. Cuộc sống quá sung sướng, nó giống như sợi dây đàn quá chùng. Ta phải làm cho dây đàn của ta căng lên. Dây đàn quá căng đồng nghĩa, ta đã tự khổ hạnh cuộc sống của ta. Ta đang lên dây đàn quá căng. Ta không thể tìm ra chân lý trong cuộc sống nhưng lựa hoặc bản thân ta quá gầy yếu. Vì vậy, ngài quyết định từ bỏ cuộc sống khổ hạnh quá mức.

Ngay sau đó, do thực hành khổ hạnh quá lâu, Gau Ta Ma đã kiệt sức đến nỗi bị ngất xỉu và té ngã. Một cô gái trẻ tên là Su Ja Ta, sống gần đó, nhìn thấy ngài và mang cho ngài một ít sữa và cháo, — « Ngài hãy ăn cái này » Cô ấy nói, — « Nó sẽ làm cho ngài khỏe mạnh », Gau Ta Ma cười, — « Nếu cô không dâng thức ăn cho ta, ta có thể đã chết mà không tìm ra con đường chân lý của hạnh phúc ». Sau bữa ăn, ngài lập tức cảm thấy khỏe mạnh hơn và tiếp tục thiền định.

Khi năm người bạn của ngài thấy ngài ăn, họ không bằng lòng, lánh xa ngài và nói. — « Gau Ta Ma đã trở về lại cuộc sống tầm thường ». Ngài chỉ im lặng, và tiếp tục việc thiền định để đạt đến giác ngộ.



Đêm thành đạo

Ngài tìm một cây cao to, gài một khu rừng. Một người cắt cỏ đi ngang qua và cho ngài một búi cỏ lớn. Ngài làm một đệm để ngồi dưới chân cây Bồ Đề. Ngài đi quanh cây Bồ Đề ba lần và ngồi quay mặt về hướng Đông. Gau Ta Ma khẩn nguyện,— « Nếu ta không tìm ra con đường chấm dứt khổ đau, thì dù xương thịt ta có tan nát, thân thể ta chỉ còn da bọc xương, ta vẫn không rời khỏi chỗ này ». Ngài ngồi dưới cây Bồ Đề trong 49 ngày. Ngài thiên định để khám phá nguồn gốc sự khổ đau của con người.

Lúc này, có ác ma với tên gọi là Ma Ra, cố làm ngài hoảng sợ để từ bỏ ý định tìm chân lý của ngài. Đầu tiên, Ma Ra làm mưa, gió và sấm chớp từ ngày này qua ngày khác, nhưng Gau Ta Ma không lay chuyển. Tiếp đó, Ma Ra cố gắng lung lay Gau Ta Ma bằng những dục vọng ích kỷ. Ma Ra sai những người con gái xinh đẹp ra nhảy múa trước ngài. Chúng hy vọng, Gau Ta Ma sẽ nhớ lại những tiện nghi trong cung điện và lôi kéo ngài trở về cuộc sống xa hoa trước đây. Gau Ta Ma vẫn không lay chuyển ý chí.

Khi không thực hiện được ý đồ của mình, Ma Ra đã sai đội quân ma quỷ dữ tợn đến phá phách ngài. Những hình ảnh ghê sợ của quỷ dữ làm Tất Đạt Đa kinh sợ, nhưng ngài vẫn không nao núng tinh thần. Lúc vũ khí của những con quỷ dữ tợn chạm vào người ngài, chúng trở nên mềm mại và cong xuống đất. Quỷ ném những vòng lửa và những cục than vào thân thể ngài đang ngồi bất động, nhưng tất cả bị lệch hướng bởi hào quang tỏa ra từ ngài. Ma Ra thúc giục ma quỷ tấn công nhưng lòng từ bi của

Đức Phật đã che chở ngài trước mọi sự tấn công của ma quỷ.

Trong quá trình thiền định, ngài thấy rõ bản chất của chúng sinh. Nguyên nhân của mọi khổ đau là do sự tham lam, ích kỷ và ngu dốt. Nếu mọi người từ bỏ điều này, họ sẽ trở nên hạnh phúc.

Khi Ma Ra đến gặp Gau Ta Ma lần cuối, với ý định làm nao núng ngài. Ma Ra hỏi Gau Ta Ma, — « Ngài có thể chứng minh rằng ngài sẽ tìm được giác ngộ. Ai sẽ chứng kiến chân lý cho ngài ».

Bình thản, Gau Ta Ma ngồi xuống, tay phải chạm tay vào đất và nói — « Ta có đất trời làm chứng! » Mặt đất rung chuyển khi Gau Ta Ma nói. Ma Ra sợ hãi bỏ đi.

Đêm tháng Năm, trăng sáng vàng vạc (rằm tháng tư âm lịch), Gau Ta Ma tập trung vào thiền định. Vào lúc sao Mai bắt đầu xuất hiện ở phía Đông, ngài đã thực sự giác ngộ, trở thành Đức Phật, Ngài không còn là thái tử Tất Đạt Đa hay một nhà hiền triết Gau Ta Ma nữa. Ngài nhìn thấy tất cả chúng sinh đều đau khổ vì tham, sân, si. Thân thể ngài tỏa sáng hào quang chói chói. Lúc này, trên thiên giới rải xuống những cơn mưa hoa thơm lừng và trái đất rung chuyển đón chào bậc giác ngộ.

Bấy giờ ngài 35 tuổi. Từ đó, ngài trở thành Đức Phật, một vị giác ngộ hoàn toàn. Ngài nhận thức chúng sinh đều có thể giác ngộ như vậy. Ngài tuyên bố — « Thật là tuyệt vời, tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật ».

Chuyển pháp luân

Đức Phật vẫn thiên định dưới gốc cây cho đến khi ngài đã giải thoát hết mọi điều. Rồi ngài đứng dậy, cúi chào cây Bồ Đề, đã che chở cho ngài. Từ đó, cây Bồ Đề còn được gọi là cây giác ngộ.

Đức Phật đi tìm năm anh em ông Kiều Trần Như, những người bạn đồng tu đã xa lánh ngài trước đây. Ngài tìm thấy họ ở vườn Lộc Uyển gần Be Na Res. Lúc này, họ nghĩ Đức Phật đã từ bỏ ý định tìm kiếm giác ngộ khi ngài nhận thực phẩm do Su Ja Ta cúng dường. Bởi vậy, khi thấy ngài đến gần, họ nói, — « Đấy, Gau Ta Ma đến đây, chúng ta không nên nói chuyện với ông ta ».

Tuy nhiên, khi Đức Phật đến gần, một luồng hào quang chiếu sáng quanh ngài. Về uy nghi của Ngài gây ấn tượng đến nỗi năm vị đạo sĩ quên rằng họ đã thống nhất với nhau không chào đón ngài. Các đạo sĩ hồ hởi khi gặp ngài. Người đem chậu, người khác rửa chân cho ngài. Rồi Đức Phật nói với họ, — « Ta đã đạt được sự giác ngộ và ta đến để nói với các ngài chân lý ta đã nhận ra. Đừng gọi ta là Gau Ta Ma nữa. Ta bây giờ đã là Đức Phật ».

Họ cảm thấy xấu hổ khi đã xa lánh ngài trước đây và cầu xin ngài tha thứ. Rồi họ lắng nghe Đức Phật giảng bài giảng đầu tiên.

Ngài dạy, — « Tất cả nỗi khổ đau, sợ hãi và căm thù đều xuất phát từ lòng tham lam. Người không tham lam sẽ không lo sợ. Tham lam làm họ sợ hãi!” Họ bắt đầu hiểu lời dạy của ngài.

Sau đó, ngài giảng dạy cho họ về bốn chân lý tối thượng (tứ diệu đế), đó là: (1) chân lý đời là bể khổ, (2) chân lý về nguyên nhân của khổ là do tham, sân, si và các thói quen xấu, (3) chân lý về an vui khi

chấm dứt khổ đau, (4) chân lý về con đường đạo để đưa đến an vui, giải thoát.

Sau khi hiểu rõ những lời dạy của Đức Phật, họ xin Đức Phật truyền giới. Đức Phật đồng ý truyền giới và nói rằng, “Hãy là tỳ kheo, đi theo lối sống tu hành để chấm dứt khổ đau”.

Sau đó, họ cạo đầu và mặc áo choàng màu vàng sẫm, trở thành những vị tăng đầu tiên trong tăng đoàn của Đức Phật. Như vậy, Tăng đoàn đã được thành lập.



Trở về quê hương

Khi nghe tin thái tử Tất Đạt Đa đã đắc đạo và đang thuyết pháp ở vườn Trúc Lâm, Tịnh-phạn vương tức tốc truyền cho sứ giả đi mời Phật về. Nhưng chín lần, chín đoàn sứ giả ra đi, chín lần mất tích. Ai có ngờ đâu các sứ giả khi đến Trúc lâm, gặp lúc Phật đang thuyết pháp, những lời ám áp, êm dịu của Ngài đã lách vào tâm hồn họ, họ đã say mê mà quên mất nhiệm vụ của họ là đến mời Phật về. Lần thứ mười, Ưu-đà-di khi vào vườn Trúc lâm, lượm một nắm bông gòn nhét vào tai, đến bên chân Phật, quỳ xuống thưa một mạch những lời dặn của Tịnh-phạn vương.

Đức Như Lai nhận lời ngay. Ngài bảo giữa đại chúng – “Đã lâu ta có ý định về thăm nhà, vì đây cũng là một bổn phận của kẻ tu hành. Hỡi các Tỷ kheo, các người không nên viện một cứ gì để không báo ân cha mẹ. Ta sẽ về thăm phụ hoàng ta. Ưu-đà-di, người hãy về trước, báo tin ấy cho Ngài hay”.

Ưu-đà-di sung sướng sụp lạy tạ Ngài, rồi nhảy lên mình ngựa phi về cung.

Tin Phật sắp trở về tung ra trong thành Ca-tỳ-la-vệ như một tràng pháo nổ. Thôi, đã qua rồi những ngày buồn bã trôi giữa dòng tiếc thương và mong nhớ! Dân trong thành trở lại hoạt động vui vẻ như thời còn Thái tử, cái lễ kiêu hãnh của dân gian. Mọi người thi nhau trang hoàng cửa nhà mình để làm vui lòng đấng tôn quý nhất của cả nước. Từ phía cửa Nam vào tận trong hoàng cung, đường đều lát

toàn cảnh xoài thom và tưới trào nước hoa sủ. Trên bến sông, mấy chục cặp voi được trang hoàng rực rỡ đã đợi sẵn để đón Ngài về. Bọn ca nhi vũ nữ đã được lệnh đi theo Ngài để vừa múa hát vừa tung hoa sao cho chân voi Ngài sẽ ngập dưới đường hoa.

Nàng Da-du nóng lòng muốn gặp Ngài ngay, sai quân khiêng kiệu đưa mình đến gần cửa Nam, nơi Tịnh-phạn vương đã truyền dựng tịnh xá cho Ngài, và đứng đầy ngóng trông về phía trước. Nhưng bầu trời vẫn im lặng trong sự chờ đợi, không vang dội một tiếng trống hay tiếng voi ré. Họ bắt đầu chán nản, và để khỏi mỏi mắt trông chờ, họ cúi xuống lượm lá úa rơi trên đường, uốn lại một nhánh cây hay chắp thêm một vài cành hoa vào cột khải hoàn môn.

Giữa lúc ấy, một người chậm rãi đi đến, đầu cạo trọc mình choàng một chiếc áo cũ, tay nắm một bình bát hình trái bí. Theo sau có mấy người khác cũng choàng một thứ áo ấy. Nhưng người đi đầu có vẻ oai nghi lạ kỳ, và trên đường người đi, toả ra một luồng tôn nghiêm kính cẩn. Người ấy nắm bình bát đưa ra trước cửa mọi nhà: người ta đồ đồ ăn vào đây với vẻ sùng bái như khi dâng lễ cúng thần. Khi đến gần cửa Nam, nàng Da-du từ trong chạy xô ra, kêu lên: “*Ôi, thái tử!*” Nàng ghen ngào không nói được nên lời, quỳ xuống ôm lấy chân Phật mà khóc...

Một người đệ tử đi theo Ngài, bạch— “Thưa Thế Tôn! Ngài đã dứt hết dục vọng, tránh tất cả những sự đụng chạm của đàn bà, sao còn đứng yên để bà Da-du ôm chân Ngài như thế?”

Phật trả lời- “Các người hãy coi chừng đấy! Đừng làm tổn thương một tâm hồn đang bị ràng buộc trong tình cảm, vì sự dũng dũng của các người, khi đã thoát ra ngoài vòng trần luy! Các người càng nhần nhục bao nhiêu, các người lại càng được tự do bấy nhiêu...”

Tịnh-phạn vương ở trong triều nghe tin con về, đầu cao trọc, tay nắm bát đi xin những đồ ăn của bọn cùng dân hạ tiện, thì nổi giận đùng đùng. Ngài bút râu bạc, ngài khắc xuống đất ba lần. Ngài truyền thẳng ngựa chiến cho ngài ra cửa Nam. Ngựa ngài vọt qua trước mặt đám dân kinh ngạc, khi họ chưa kịp phủ phục bên đường. Gần đến cửa Nam, ngài thấy một đám người đen nghịt chen chúc trên đường rộng, mà người đi đầu là Phật. Ngài đưa mắt quang đấng nhìn cha ở đằng xa phóng ngựa tới với một vẻ hung hăng như một viên tướng ra trận. Nhưng đến gần, Tịnh-phạn vương bỗng dịu lại trước cái nhìn hiền từ và tôn kính của người con đức hạnh. Phật chấp tay vái chào cha mình với một dáng điệu nhu thuận mà oai nghi. Tịnh-phạn vương nhìn con, nhận thấy một vẻ thiêng liêng hiện trên đỉnh trán rộng và một oai lực làm khuất phục cả mọi người đi theo sau. Ngài cảm biết rằng người đang đứng trước mặt mình đây đã xa xôi với mình lắm rồi, không còn giữ lại dấu vết gì của vị hoàng tử xưa nữa. Tuy vẫn ở trong phạm vi người, vẫn lẫn lộn với người, con ngài bây giờ đã thoát ra ngoài vòng trần tục, đã vượt lên mấy tầng cao trên nhân thế rồi!

Mặc dầu thế, Tịnh-phạn vương vẫn làm ra vẻ trách con- “Có đời nào một vị Thái tử như Tất-đạt-đa,

người sắp nối ngôi ta, trị vì một đại quốc, một vị Thái tử oai phong như thế mà khi về nước lại ăn mặc tầm thường, đầu cạo trọc, nắm bát đi xin từng miếng ăn, miếng uống của đám tiện dân! Đáng lẽ ra, con phải trở về giữa sự oai nghi hùng tráng của một rừng gươm giáo, giữa sự vang rền của tiếng trống, tiếng chiêng. Con thấy đó, quân lính đang dàn đặc hai bên đường, cả một kinh thành đang đợi con về để tung hô thiên tuế. Sau chín, mười năm trời con bỏ cung điện ra đi, để cha con phải nuốt sàu trên ngôi báu, vợ con phải đau khổ trong Cung Vui, và cả một kinh thành đã im lìm trong không khí tang tóc, cha tưởng ngày về của con hết sức rực rỡ để bù lại những ngày ảm đạm đã qua. Cha có ngờ đâu bao nhiêu sự sắp đặt linh đình của cả nước, bao nhiêu dàn bày oai nghi của cả triều đình chỉ để đón chờ một kẻ đói cơm rách áo! Con ơi! Sao thế hử?”

Đức Phật đáp – “Thưa phụ vương, đây là tục lệ của dòng họ con”.

Tịnh-phạn vương dẫy nảy– “Dòng họ con kể từ đức Ma-ha-sa-ma đến nay đã gần một trăm đời vua, có khi nào có một hành vi lạ lùng như thế đâu?”

Đức Phật ôn tồn đáp – “Thưa phụ vương, con không nói đến cái giọng giống thế gian, nói nhau qua khí huyết, con muốn nói đến dòng giống của chư Phật quá khứ và vị lai. Xưa và sau này chư Phật làm thế nào, bây giờ con làm thế ấy. Con chỉ biết giữ gìn cái kho báu vô giá mà các đức Phật đã truyền lại cho con”.

Tịnh-phạn vương ngạc nhiên nhìn chiếc áo đã ó màu của Phật, hỏi- “Kho báu gì đâu?”

Thế là Phật dịu dàng nắm tay cha, đi về phía hoàng thành, giữa Tịnh-phạn vương và nàng Da-du. Vừa đi, Ngài vừa thuyết pháp cho dân chúng đang kính cẩn theo sau Ngài nghe. Với giọng ấm dịu và trong sáng, Ngài rải rắc trong tâm hồn mọi người nỗi an lành thanh tịnh. Ngài tung vãi ánh sáng ra khắp nơi, đuổi tan những làn u ám đang đọng trong tâm trí mọi người.

Tịnh-phạn vương nhìn sững miệng Ngài, say sưa uống những lời quý hơn vàng ngọc. Và công chúa Da-du đôi mắt dần ráo lệ, mỗi lúc mỗi tươi thêm.

Đêm ấy, trong cung điện của Tịnh-phạn vương, không có tiếng đàn tiếng địch, thế mà mọi người nghe như reo dậy trong lòng mình một điệu nhạc thiêng. Và khi đặt lưng xuống chiếu, dân gian trong thành Ca-tỳ-la-vệ thấy mở ra trước mắt mỗi người con Đường Vàng sáng rực, rộng thênh thang, trên ấy những bóng vàng đang nhẹ nhàng tiến bước...



Thuyết pháp ở cung trời Đao-Lợi

Trong thời gian ẩn cư trong vùng núi Samkassa, đức Phật lên cung trời Đao-Lợi (Tavatimsa) thuyết Vi-diệu-pháp (Abhidhamma) cho thiên chúng và bà Maha Maya nghe. Bà Maha Maya chính là thân mẫu của Đức Phật. Bà đã vãng sanh về cung trời Đao Lợi bảy ngày sau khi sanh ngài. Các vị khát sĩ không biết Phật hiện đang ở đâu, đến hỏi đại đức Mục Kiền Liên. Đại đức Mục Kiền Liên tuy biết nhưng bảo đến hỏi đại đức A Nậu Lôu Đà. Đại đức A Nậu Lôu Đà nói:

- Đức Thế Tôn hiện đang ngự trên ngai vàng dưới cây San-hô ở cung trời Đao-Lợi, thuyết Vi-diệu-pháp cho thiên chúng và mẹ ngài là bà Maha Maya nghe.

- Chừng nào ngài sẽ trở về với chúng ta?

- Sau khi mãn hạ.

Trong khi đó, ở cung trời Đao-Lợi, đức Phật ngồi trên ngai vàng dưới cây San-hô, bên tay phải có thánh mẫu Maha Maya và Yakkha Indaka, bên tay trái có Ankura, xung quanh có vô số thiên chúng từ mười phương tựu đến nghe pháp. Indaka và Ankura vừa được tái sanh đến trời Đao-Lợi không bao lâu. Đức Phật bắt đầu chỉ cách cúng dường như thế nào để được nhiều phước báo. Đức Phật nói:

- Nay Ankura, ông Indaka chỉ cúng dường một muống thức ăn của mình cho đại đức A Nậu Lôu Đà mà được tái sanh về trời Đao-Lợi, trong khi đó

ông bố thí vô số thực phẩm trong mười ngàn năm và gần đây cúng dường rất nhiều cho Giáo Đoàn Khất Sĩ mới được tái sanh về trời Đao-Lợi. Tại sao vậy?

Ví như người nông dân gieo giống phải chọn đất tốt mới thu hoạch được nhiều hoa lợi. Còn ông, vì không biết chọn người để cúng dường nên việc cúng dường của ông không được nhiều lợi lạc.

Rồi đức Phật nói kệ (Kinh Pháp Cú):

Làm nông dân gieo giống
Nên chọn đất phì nhiêu.
Làm thiện tín cúng dường
Nên chọn người hiền đức.

Cỏ dại hại ruộng đất,
Tham sân si hại người.
Cúng dường bậc thánh nhân,
Sẽ được nhiều quả tốt.

Sau đó đức Phật giảng Vi-diệu-pháp và nói kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyên cho thiên chúng và thánh mẫu Maha Maya nghe liên tục trong ba tháng. Khi đức Phật nghỉ mệt hoặc thọ thực thì có Hóa Thân Phật thay thế thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, thánh mẫu Maya đắc quả Tu-đà-hoàn. Mỗi ngày đại đức Xá Lợi Phất lên trời Đao-Lợi nghe Phật thuyết pháp, rồi trở về địa cầu tóm tắt bài pháp cho ngài Đại Ca Diếp và đại chúng nghe. Về sau, trong kỳ kiết tập kinh điển lần thứ nhất, chính ngài Đại Ca Diếp đã tuyên đọc lại Vi-diệu-pháp làm

thành Tạng Luận gồm bảy tập, còn lưu truyền đến ngày nay.

Sau ba tháng, khi đức Phật từ cung trời Đao-Lợi trở về làng Samkassa thì có vua trời Phạm-Thiên bên phải, vua trời Đế-Thích bên trái, tiễn đưa ngài xuống bằng ba cầu thang báu bằng vàng, bằng bạc và bằng thất bảo, từ đỉnh núi Tu-di đến cổng làng Samkassa. Có vô số chư thiên rải hoa tấu nhạc cúng dường. Về đến cổng làng Samkassa có đại đức Mục Kiền Liên, sư cô Liên Hoa Sắc là hai đệ tử thân thông đệ nhất đến trước, đại đức Xá Lợi Phất và đông đảo các vị khất sĩ khác đến sau đón tiếp Phật.

Vào thế kỷ thứ ba trước tây lịch, vua A Dục có cho dựng một trụ đá kỷ niệm nơi Phật thị hiện thân thông Giáng Trần tại cổng làng Samkassa (Sankissa, Samkasya). Trên đầu trụ đá có tượng một con voi.



Nhập Niết Bàn

Đức Phật dạy về chân lý trong 45 năm. Mỗi hành động của ngài mang lợi ích cho mọi người. Bây giờ Ngài đã 80 tuổi. Mặc dù tuổi cao, ngài vẫn chuẩn bị thực hiện chuyến hành hương cuối cùng. Ngài nói, “Ta còn ít thời gian để sống, ta muốn trở về nơi ta đã lớn lên”.

Ngài và các đệ tử đi chậm chạp, thường xuyên dừng lại. Dọc theo đường đi, nhiều người đến diện kiến và xin lời khuyên. Đức Phật hoan hỉ dạy cho bất cứ người nào đến với Ngài. Họ đều lắng nghe và tỏ lòng thành kính.

Trên đường đi, Đức Phật đã được một người thợ rèn tên là Thuần Đà mời dùng cháo nấu thơm. Ngài bị ốm sau bữa ăn đó, nhưng vẫn quyết tâm tiếp tục rời thành Câu Thi Na.

A Nan Đà, người đệ tử thành kính đã khóc khi nhìn thấy Đức Phật ốm như vậy. Đức Phật an ủi A Nan Đà và nói, “Đừng có đau buồn như vậy. Ta đã già yếu và không thể sống mãi được. Đó là quy luật của mọi vật, có sinh thì có diệt. Trong 3 tháng nữa, ta sẽ đi vào cõi niết bàn, một trạng thái hoàn toàn tĩnh lặng và hạnh phúc. Hãy thông báo cho các tỷ kheo và tỷ kheo ni lại đây”.

Các đệ tử gạt nước mắt và cầu xin ngài tiếp tục sống với chúng sinh. Nước mắt đầm đìa A Nan Đà xin lời chỉ dạy, — “Khi Đức Phật không còn trên thế gian, ai là người sẽ dạy chúng con?”

“Có cần phải dạy điều gì nữa không, A Nan Đà?” Đức Phật nói — “Ta đã dạy cho các con những điều ta biết. Không có điều gì ta giấu diếm. Lời dạy của ta sẽ là người thầy của các con bây giờ. Hãy thực hành theo chúng và các con sẽ thấy chân lý của ta ».

Trong rừng cây Sa La gần Câu Thi Na, Đức Phật bình thân nói,— « Ta không thể đi được nữa, A Nan Đà, hãy chuẩn bị nơi nghỉ ngơi cho ta ở giữa hai cây Sa La lớn ». Ngài nằm xuống mình nghiêng về bên phải và đầu hướng về phía Bắc. Hai cây Sa La tỏa bóng trái mùa và rụng hoa quanh ngài.

Nghe tin Đức Phật sắp vào cõi Niết Bàn, mọi người khắp nơi đến thăm ngài lần cuối. Thậm chí lúc ngài nằm trong đau đớn, ngài vẫn tiếp tục dạy cho họ đến hơi thở cuối cùng.

Vào lúc chạng vạng, khi khu rừng đã phủ bóng tối, Đức Phật nhập vào cõi Niết Bàn.

Trước khi ra đi, Đức Phật nói lời cuối cùng, — « Vạn vật đều thay đổi, cuộc sống là vô thường, hãy nhớ tinh tấn thực tập lời dạy của ta ». Tất cả các đệ tử và dân làng, đứng xung quanh ngài khóc than bậc từ phụ của nhân loại đã khuất bóng.

Đức Phật qua đời vào đêm trăng tròn tháng năm (tháng tư âm lịch) năm 543 trước Công nguyên vào lúc 80 tuổi.



Phân chia Xá Lợi

Theo phong tục Ấn Độ, thân thể của ngài được đặt trên giàn hỏa thiêu. Sau khi thiêu, người ta tìm thấy trong tro tàn còn sót lại những viên ngọc sáng gọi là Xá Lợi Phật.

Bấy giờ vua ở khu vực gần đó, nghe tin đức Phật nhập niết bàn, liền kéo quân đến thành Câu thi na với ý định tranh giành Xá lợi Phật.

Lúc ấy, có một vị đệ tử Phật thấy cảnh chiến tranh có thể xảy ra, bèn đứng trên thành can ngăn các vua. Ông nói : « Đức Phật là biểu hiện của trí tuệ và lòng từ bi lớn. Mục đích cả đời ngài là vì an vui và hạnh phúc của chúng sanh. Vì vậy, các vua nên thể hiện lòng tôn kính ngài bằng cách học theo hạnh từ bi và trí tuệ của ngài, hơn là gây chiến để tranh giành Xá lợi ».

Nhận thấy sự hợp lý của lời can ngăn, và nhớ đến những điều đức Phật đã giảng dạy, các vua đã nghe theo lời khuyên kịp lúc đó.

Sau đó, Xá lợi Phật được chia thành 8 phần đều nhau (7 phần cho 7 nhà vua đem về nước, và phần còn lại để tại nơi Phật nhập Niết bàn). Các phần Xá lợi này được trân trọng đặt trong những tháp thờ gọi là tháp Xá Lợi Phật.

Từ đó, lời dạy của ngài về lòng thương và trí tuệ được lan truyền từ quốc gia này sang quốc gia khác. Và từ trái tim này sang trái tim khác và cho đến tận ngày hôm nay.

PHẦN B – ĐẠI ĐỆ TỬ, HỘ PHÁP CỦA PHẬT

Xá Lợi Phát

Trong kinh tạng Pàli, Tôn giả Xá Lợi Phát chiếm địa vị quan trọng hàng đầu, chỉ đứng sau Phật. Nhiều kinh được mở đầu với câu cổ điển “Nhu vậy tôi nghe”, mà người thuyết kinh thay vì đấng giác ngộ, thì lại chính là bậc Thánh đệ tử uyên bác ấy giảng thay cho Ngài. Có khi đức Đạo Sư thăng pháp tòa, chỉ trình bày một bài kệ ngắn gọn, rồi lui về am thất của Ngài. Trong những dịp như vậy, chúng ta thường gặp Tôn giả Xá Lợi Phát xuất hiện khai diễn ý nghĩa lời dạy súc tích của Phật và cuối cùng, chính Phật đã xác chứng cho lời giải thích của Tôn giả bằng một câu còn giá trị hơn tất cả những lời khen tặng : “Nếu các ông hỏi ta, ta cũng giải thích như Xá Lợi Phát!”.

Tôn giả Xá Lợi Phát (Sàriputra, dịch nghĩa là Thu Tử) là con trưởng trong một gia đình thuộc thế cấp Bà La Môn giàu nhất làng Upatissa, gần Nàlanda ngày nay. Upatissa cũng là tên được đặt cho Ngài khi sơ sinh. Mẹ Ngài tên Sari. Trong bốn người con trai Ngài được mang tên của mẹ, trong khi một người em của Ngài lại có tên của cha là Vagantaputra. Tôn giả có ba em trai và ba em gái, về sau đều theo Ngài xuất gia đắc quả A La Hán.

Thông thường, những người quá thông minh xuất chúng phải trả giá thiên tài của họ bằng nỗi cô đơn. Nhưng Tôn giả Xá Lợi Phát lại là một ngoại lệ. Ngài có rất nhiều bạn, có thể nói Ngài là bạn của tất cả, kể từ Đức Phật trở xuống.

Nhiều kinh điển Pali đã ghi lại những cuộc luận đàm kỳ thú giữa Tôn giả Xá Lợi Phất với những bậc Thánh đệ tử khác. Chính đức Đạo sư dường như cũng ưa nói chuyện với Tôn giả hơn với những người khác. Ngài thường gọi: “Này Xá Lợi Phất” mỗi khi thuyết pháp. Thật là một địa vị đáng thèm.

Một đức tính khác làm cho Tôn giả Xá Lợi Phất được tất cả đồ chúng của Phật yêu kính là Ngài biết tôn trọng ý kiến của mọi người. Ngài không bao giờ tự cho là trí tuệ đệ nhất để áp đảo kẻ khác bằng lý luận. Trong những cuộc luận đàm Tôn giả thường hỏi ý kiến từng người, để họ tự do phát biểu, và khi có sự bất đồng Ngài rủ mọi người cùng đi đến yết kiến Phật để xin đức Đạo sư giải quyết, chứ không bao giờ tự cho ý kiến mình đúng, thiên hạ đều sai.

Một kinh của Trung bộ III kể, vào một đêm rằm, trăng sáng vàng vạc chiếu xuống khu vườn cây Sa La nơi Tôn giả đang trú ngụ. Đêm khuya, trăng tỏ, hương hoa đang mùa rộ nở cùng với sương đêm tỏa ngát không gian. Cảnh thật xứng với người: một cuộc hội kiến giữa những bậc thượng thủ đến thăm Tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả mở màn cho cuộc pháp thoại bằng một câu hỏi, cũng vừa là một lời chào:

- Đêm thanh, trăng tỏ, vườn Sa La khả ái thơm nức một mùi hương như thiên giới, chư Hiền nghĩ sao, vị Tỳ kheo nào, theo ý chư Hiền, sẽ là người làm sáng chói khu vườn (tức một mẫu Tỳ kheo lý tưởng trong Phật giáo phải như thế nào?)

Tôn giả A Nan đáp:

- Theo tôi, một vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn là vị nào đa văn đệ nhất.

Tôn giả Ca Diếp:

- Vị Tỳ kheo sáng chói khu vườn là vị trì khổ hạnh đầu đà đệ nhất.

Tôn giả Mục Kiền Liên:

- Tôi thì cho rằng vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn, chính là vị nào thành tựu biện tài số một.

Tôn giả Ly Bà Đa:

- Ý kiến của tôi thì, vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn phải là người thiên định bậc nhất.

Khi tất cả mọi người đều cho ý kiến, Tôn giả Mục Kiền Liên giục bạn:

- Hiền giả nghĩ sao? Ý kiến của người nào đúng? Và ý Hiền giả như thế nào về một vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn?

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp:

- Vị Tỳ kheo nào chế phục được tâm, không bị tâm chế phục. Vị Tỳ kheo nào, buổi sáng muốn trú tâm như thế nào, có thể an trú tâm như thế ấy vào buổi sáng. Buổi trưa vị ấy muốn an trú tâm nào vị ấy cũng có thể làm như ý muốn vào buổi trưa. Buổi chiều, buổi tối cũng vậy.

Như một vị vua hay đại thần có một tủ đầy áo đẹp, và khi vị ấy sáng muốn mặc áo nào, trưa muốn mặc áo nào, chiều muốn mặc áo nào đều có thể làm theo ý muốn của mình. Cũng thế, đối với một vị Tỳ kheo đã chế phục được tâm ý, không bị tâm chế phục. Một vị Tỳ kheo như thế, này Hiền giả, sẽ làm sáng chói khu vườn Sa La khả ái này. Nhưng này chư Hiền, chúng ta hãy đi đến đánh lễ đáng Đạo sư để thỉnh giáo về vấn đề này.

Khi Đức Phật nghe thuật lại ý kiến của từng vị. Ngài dạy rằng mọi người đều trả lời đúng theo địa vị khả năng của mình. Tuy nhiên, Ngài thêm ý kiến của Ngài theo đó:

- Vị Tỳ kheo sáng chói khu vườn chính là vị nào sau khi đi khát thực về, sau khi chánh niệm thọ thực xong, rửa chân rồi trải tọa cụ ngồi thiền cho đến khi nào không còn lậu và móng khởi.

Điểm lý thú trong câu chuyện này là ở chỗ khi mới nghe qua, chúng ta thấy dường như mỗi vị tự đề cao cá nhân vậy, song kỳ thật không thế. Mỗi người phát biểu cái lý tưởng mình muốn đạt, cho nên ngài A Nan, con người ưa đa văn, tôn trọng học vấn, đương nhiên phải cho đa văn là nhất. Ngài Ca Diếp cho hạnh đầu đà là lý tưởng của xuất gia, nên Ngài mới chuyên môn hạnh ấy. Mục Kiền Liên yêu thích biện tài, muốn phát triển mặt ấy, nên cho rằng thành tựu biện tài là nhất. Ly Bà Đa chú trọng thiên định cũng thế, vì cho thiên định là lý tưởng. Câu đúc kết của Phật rất ý vị ở chỗ, cái điều Ngài cho là lý tưởng chính là những việc làm rất thường, không có gì quái dị phức tạp, thế mà lại rất khó, chỉ có Phật

mới thành tựu trọn vẹn được. Đó là những việc thường ngày như ăn cơm, rửa chân, trải tọa cụ ra ngồi... Như vậy, ta thấy rõ Phật muốn ám chỉ đạo là rất giản dị, đó là cái tâm bình thường (bình thường tâm thị đạo), nhưng đồng thời quả thật cái việc “thường” ấy lại khó khăn gấp bội những việc “phi thường” của các bậc đa văn, biện tài, trí tuệ.

Tôn giả Xá Lợi Phất cũng là một người con rất hiếu thảo. Biết mẹ mình không tin Phật pháp, nên ông đã xin phép Phật về quê hóa độ mẹ, trước khi nhập Niết Bàn. Khi thấy con mình trở về, bà rất vui. Đêm đó, nhìn thấy các vị trời Phạm thiên mà bà thường tôn thờ, đến đánh lễ tôn giả Xá Lợi Phất, bà mới biết đạo đức và trí tuệ của con mình còn cao vượt hơn cả những vị trời. Từ đó, bà phát sinh lòng tin tưởng vào Phật, và nghe theo những lời thuyết pháp của tôn giả Xá Lợi Phất để có thể đi trên con đường sáng hướng tới an lạc, hạnh phúc tối thượng. Hoàn tất việc hóa độ mẹ, tôn giả an nhiên nhập Niết Bàn ngay tại quê nhà của ngài.



Mục Kiên Liên

Trong hàng Thánh chúng hay trong mười đại đệ tử của Phật. Mục Kiên Liên là vị thần thông số một. Trong mọi tình huống, Mục Kiên Liên thường hay sử dụng phép thần thông, khi đi truyền giáo Mục Kiên Liên dễ dàng chinh phục được người. Nhưng pháp căn bản của sự giải thoát không phải là thần thông. Với nghiệp lực của con người thần thông không thể giải cứu. Với phép thần thông có thể khuất phục người được dễ dàng, nhưng chưa hẳn lòng người đã chừa oán giận.

Dù bị Phật quở, Mục Kiên Liên vẫn sử dụng phép thần thông để làm phương tiện. Ngày vua Lưu Ly kéo binh đội đến vây hãm thành Ca Tỳ La Vệ, Mục Kiên Liên đã dùng thần thông đến cứu dòng họ Thích Ca bị bách hại. Tuy nhiên, thành Ca Tỳ La Vệ vẫn bị hỏa thiêu. Mục Kiên Liên cũng không cứu được mẹ bằng phép thần thông. Ngay chính Mục Kiên Liên cũng đã không thắng được nghiệp báo để thoát chết bởi bọn ngoại đạo, khi Mục Kiên Liên đến truyền đạo ở thành Thất La Phiệt.

Trong hàng thánh chúng, Mục Kiên Liên không những là vị thần thông số một, bản tánh rất năng động mà còn là một vị có hiếu đạo hơn hết. Một hôm, nhớ mẹ, Mục Kiên Liên vận dụng thần thông đi khắp mọi nơi để tìm mẹ. Khi vào địa ngục, Mục Kiên Liên thấy mẹ không chỉ ở chốn địa ngục, mà còn đói khát khiếp, cơ thể vô cùng gầy yếu. Để phục hồi sức lực cho mẹ là bà Thanh Đề, Mục Kiên Liên đem cơm dâng cho mẹ. Mừng quá, bà Thanh Đề dùng tay trái che bát để cho tù nhân khác không

thấy thức ăn, tay phải bốc com đưa vào miệng. Nhưng than ôi! Com thành than đỏ, bà không thể nào ăn được. Mục Kiên Liên rơi nước mắt, lòng buồn vô tận! Mục Kiên Liên vận đủ mọi phương tiện để cứu mẹ, nhưng vẫn không có kết quả.

Trở về bạch Phật sự tình và hỏi lý do. Với tinh thần từ ái, Phật nói: Mục Kiên Liên, lúc sanh tiền mẹ ông đã hủy báng Phật, mắng Tăng, bà không tin nhân quả luân hồi. Đặc biệt bà rất bòn xén, chẳng bao giờ bố thí cho ai, kể cả bố thí cho con kiến hạt gạo. Vì thế, sau khi chết bà phải chịu quả báo như thế. Ông tuy là con người hiếu đạo, thương cha nhớ mẹ, muốn đền đáp thâm ân, nhưng sức của cá nhân giới hạn, dù đã có thần thông, một mình ông cũng không thể giải cứu nghiệp lực của bà Thanh Đề. Ông hãy đợi đến rằm tháng bảy, ngày chُر Tăng mãn hạ, thiết lễ Vu Lan nhờ chُر Tăng chú nguyện, mẹ ông mới thoát khỏi cảnh địa ngục.

Theo lời Phật dạy, ngày Rằm tháng bảy, Mục Kiên Liên sắm sửa trai đàn, dâng cúng mười phương Tăng, và nhờ thần lực của chُر Tăng chú nguyện.

Quả vậy, với đạo nghiệp tấn tu trong 3 tháng an cư, chُر Tăng không những giúp cho bà Thanh Đề, mà nhiều chúng sinh khác trong ngày đó cũng thoát khỏi cảnh địa ngục tối tăm.

Kinh Vu Lan, lễ Vu Lan, và gọi là ngày Rằm xá tội vong nơn có từ đó. Vu Lan Bồn có nghĩa là mở sọt dây treo ngược cho người có tội. Trung Quốc dịch là giải đảo huyền.

Vào thời Đức Phật, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là hai cánh tay đắc lực của đức Phật. Cả hai đã làm cho ngoại đạo kính sợ. Xá Lợi Phất đã dùng trí tuệ biện tài chinh phục bọn ngoại đạo. Với dũng khí kiên cường năng động. Mục Kiền Liên dùng thần thông lặn lướt bọn ngoại đạo. Bởi thế hàng ngoại đạo rất ghét Mục Kiền Liên hơn hết, và tìm cơ hội bức hại.

Một hôm trên đường đi du hóa trở về, Xá Lợi phất và Mục Kiền Liên bị đồ đệ Bảo Lạc Noa, thuộc phái Ni Kiên Tử, thường gọi là phái lửa hình đem gây gộc ra chặn đường gây sự.

Bọn này hỏi Xá Lợi Phất: “Trong chúng chánh mạng (tự xưng của phái lửa hình) có sa môn không?”. Vốn bậc trí tuệ, đoán biết được ý đồ của Bảo Lạc Noa, Xá Lợi phất nói: “Chúng chánh mạng sa môn không. Chúng Thích Ca sa môn có. Nếu A La Hán còn tham ái là không có kẻ ngu si”. Không hiểu ý ngài, họ tưởng đó là lời khen mình, nên đề cho xá Lợi Phất đi.

Bọn lửa hình xoay qua hỏi Mục Kiền Liên. Giọng đanh thép, Mục Kiền Liên đáp: “Trong chúng của các ông làm gì có sa môn”. Cho là giọng trịch thượng, bọn lửa hình tức giận, vác gậy gộc đánh Mục Kiền Liên. Không chịu nổi trận đòn, Mục Kiền Liên bất tỉnh, tưởng là địch thủ đã chết, bọn lửa hình bỏ đi...

Xá Lợi Phất trở lại tìm xem bạn như thế nào. Thấy Mục Kiền Liên bất tỉnh, thân thể tím bầm, máu ra lai láng, Xá Lợi Phất lấy cà sa làm vông đưa Mục Kiền Liên về tịnh xá. Đại chúng hỏi Mục Kiền

Liên: “Tôn giả là bậc có thần thông, sao lại chịu thua thiệt đến thế?”. Mục Kiền Liên liền đáp: “Vì bất ngờ, hơn nữa, khi nghiệp lực đến, chỉ một chữ Thần còn chưa thể được, huống là phát Thông”. Nói xong Tôn giả vào Niết bàn.

Khi nghe tin Mục Kiền Liên bị ám hại, vua A Xà Thế đã phẫn nộ và đã hạ lệnh truy nã bọn lõa hình. Khi có tên nào bị bắt, nhà vua cho xử bằng cách ném sổng vào hầm lửa.

Sau khi hỏa táng Mục Kiền Liên, Ngài Xá Lợi Phất, Mã Túc và Mãn Túc đã đem hài cốt của Mục Kiền Liên về trình Phật. Phật tập họp chúng Tỳ kheo lại và dạy: “Này các vị Tỳ kheo! Hãy chiêm ngưỡng hài cốt của Mục Kiền Liên. Đã mang sắc thân, chắc chắn còn nghiệp phải trả. Nhục thể phải chịu vô thường. Do đó, sinh tử, trả nghiệp là chuyện thường tình. Không có gì phải hoang mang lo sợ. Khi xả báo thân con người nên giữ tâm ý không nên mê muội, oán thù, sân giận. Trong các nghiệp, cận tử nghiệp là nghiệp nặng nhất. Mục Kiền Liên vì tuyên dương giáo pháp mà phải tử nạn đó là một vinh dự, đáng cho tất cả noi gương...”



A Nan

A Nan chào đời trong đêm Phật thành đạo, nên còn có tên là Khánh Hỷ, thuộc dòng dõi quý tộc, nơi vương cung của vua Bạch Phạn, là em ruột của Đề Bà Đạt Đa mà cũng là anh em chú bác của Thế Tôn.

Trong hạng đồng thời đó, Ngài A Nan là người nhỏ tuổi nhất, nếu so với La Hầu La thì còn nhỏ thua nửa số tuổi.

Là một Thế tử được vua cha chiều chuộng, bảo bọc, đời sống vương giả chẳng thiếu một món gì, nhưng đối với tánh tình thuần hậu, hoan hỷ đó, A Nan không quyến luyến những vật dục, sang giàu của hoàng cung, cùng chơi đùa với chúng bạn chẳng phân giai cấp. Mặc dù tuổi còn nhỏ, nhưng với tư cách một con vua, bẩm tính sẵn có lúc nào A Nan cũng vui vẻ, hiền hòa, dễ thương đáo để.

Vì phước báo tiền kiếp xa xưa, nên khi đã trưởng thành, A Nan trở thành một con người khôi ngô, tuấn tú. Về sau này, có thể nói trong hàng đệ tử Phật, A Nan là người đẹp đẽ, đoan trang nhất, với thân hình cân đối, nét mặt hào hoa, tươi nhuận, lúc nào cũng tỏ ra dễ dãi với mọi người. Vì sự đẹp trai và tánh tình dễ dãi ấy mà sau này có lắm chuyện rắc rối đã đến với A Nan.

Ngày Thế Tôn trở về thăm Ca Tỳ La Vệ đầu tiên, trong dáng đi trầm hùng, sắc diện trang nghiêm, dung mạo rực rỡ, chiếu diện như vàng trắng lồng lộng giữa khoảng trời bao la, đã soi sáng mọi vật, cảm hóa được lòng người. Chú bé A Nan nhìn say

sua dung nhan thậm kỳ diệu, sắc diện như núi vàng đoan nghiêm của Thế Tôn cảm thấy chấn động tâm linh, bèn vào trình vua cha xin đi xuất gia theo Phật cùng với bảy vương tử thời bấy giờ. Được vua cha chấp nhận, trong lòng hoan hỷ vô cùng, như vậy kể từ đây A Nan theo sát chân Phật, là một người tùy tùng thân cận với Đức Thế Tôn, và sau này, chẳng bao lâu được đại chúng cử làm thị giả hầu hạ Phật.

Bấy giờ, các Tỳ kheo, Trưởng lão thượng tôn danh đức, đại đệ tử của Phật được mọi người hiểu biết, rất nhiều các Tỳ kheo Trưởng lão, danh đức đại đệ tử cùng đi du hóa tại thành Vương Xá, tất cả đều ở xung quanh ngôi nhà lá của Phật. Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ kheo rằng:

- Nay các thầy, hiện nay ta tuổi đã già, thân thể càng ngày càng suy yếu, nên ta cần có một thị giả nhất định để chăm sóc và mang y bát cho ta, làm vừa lòng ta và ghi nhớ những lời thuyết pháp rõ ràng, không quên nghĩa lý. Vậy các thầy hãy chọn giùm Ta một vị.

Nghe vậy, Tôn giả Câu Lan Nhã, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo sửa y chấp tay hướng về Thế Tôn, bạch rằng:

Bạch Thế Tôn, con tự nguyện hầu hạ Thế Tôn, làm vừa lòng Thế Tôn và ghi nhớ rõ ràng những lời Thế Tôn dạy.

Này Câu Lan Nhã, thầy tuổi đã già rồi thân thể chẳng hơn gì ta, như vậy, chính thầy cũng cần có

một thị giả, để chăm sóc hầu hạ thầy trong cơn bệnh hoạn, thôi được thầy hãy về chỗ cũ ngồi đi.

Bấy giờ, các Trưởng lão tôn túc lần lượt bạch Thế Tôn để xin tự nguyện làm thị giả hầu Thế Tôn, nhưng cuối cùng tất cả đều được Thế Tôn bảo hãy lui về chỗ cũ mà ngồi.

Kết quả cuộc tự nguyện làm thị giả, chẳng có vị nào được Thế Tôn ghi nhận, Tôn giả Mục Kiền Liên, suy nghĩ: “Đức Thế Tôn muốn chọn vị nào làm thị giả, ý Ngài đặt vào vị nào muốn cho ai sẵn sóc Ngài, tự nãy đến giờ chẳng có vị Tỳ kheo nào được diễm phúc ấy cả, có lẽ ta nên nhập “Nhu Kỳ Tượng Định” để quan sát tâm của đại chúng xem sao. Thế là Tôn giả nhập “Nhu Kỳ Tượng Định” xem từng tâm niệm của đại chúng Tỳ kheo, lần lượt, lần lượt, đến Ngài A Nan, Tôn giả dừng lại, đây rồi, Thế Tôn đang hướng đến A Nan, muốn chọn A Nan làm thị giả, liền xuất định, Tôn giả Mục Kiền Liên thưa với đại chúng rằng:

Thưa chư hiền, đức Thế Tôn muốn chọn hiền giả A Nan làm thị giả, ý Ngài đã đặt vào A Nan để thỉnh làm thị giả. Nói xong các vị thượng tôn trưởng lão, cùng Tôn giả Mục Kiền Liên đồng đi đến chỗ A Nan, tất cả đều chào hỏi rồi ngồi xuống. Lúc ấy, Tôn giả Mục Kiền Liên đại diện trình bày:

Này hiền giả A Nan, thầy thật là diễm phúc, thầy có biết không đức Thế Tôn muốn chọn thầy làm thị giả đó, để sẵn sóc Thế Tôn, khi mang y, khi dâng bát và ghi nhớ những lời Thế Tôn giảng giải rõ ràng nghĩa lý. Cũng như ngoài thôn xóm không xa, có

một tòa lâu đài to lớn, cửa sổ ở phía đông mở ra, khi mặt trời mọc lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng vào vách phía tây, Này hiền giả A Nan, đức Thế Tôn cũng vậy, chú ý muốn thầy hầu Thế Tôn. Vậy thầy nên làm thị giả mà săn sóc Thế Tôn được phước hựu lớn.

- Thưa Tôn giả Mục Kiền Liên, tôi không thể lãnh trách nhiệm hầu hạ Thế Tôn nổi. Vì đối với các đức Thế Tôn, khó xứng ý, khó hầu hạ, nghĩa là khó làm thị giả lắm, xin Tôn giả thông cảm cho tôi. Cũng giống như con voi rất hùng mạnh, đã hơn 60 tuổi, kiêu bạo, sức mạnh cường thịnh, đủ ngà, đủ vóc, khó mà làm cho xứng ý gần gũi, chăm sóc được. Thưa Tôn giả với những bậc Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác cũng vậy, khó làm vừa lòng và gần gũi của một trách nhiệm thị giả được.

- Này hiền giả A Nan, chưa chi sao vội từ chối quá vậy, Thầy hãy nghe tôi ví dụ thì sẽ hiểu rõ ý nghĩa, cũng như hoa Ưu Đàm Bát La đúng thời mới xuất hiện thế gian, thì đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác cũng vậy, đúng thời Như Lai mới thị hiện ra đời, vậy Thầy còn chần chờ gì nữa, hãy mau làm thị giả đức Thế Tôn đúng lúc?

Bị Tôn giả Mục Kiền Liên ép nài, A Nan túng thế phải chịu, nhưng với những điều kiện như sau, nếu Thế Tôn thỏa mãn:

- Thưa Tôn giả, nhờ Tôn giả bạch lại Thế Tôn, nếu Thế Tôn thỏa mãn cho ba điều nguyện của tôi, thì chừng ấy tôi mới chịu làm thị giả, bằng không thì thôi. Một, tôi nguyện không đáp y của Thế Tôn dù

mới hay cũ; hai, tôi nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Thế Tôn; ba, tôi nguyện không gặp Thế Tôn chẳng đúng lúc.

Thấy A Nan đã chịu làm thị giả rồi, Mục Kiền Liên cùng các vị trưởng lão, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A Nan ba vòng rồi đi về chỗ Phật, làm lễ xong, ngồi xuống một bên, Tôn giả Mục Kiền Liên liền thuật lại sự việc:

- Bạch Thế Tôn, vừa rồi con đã khuyên dụ hiền giả A Nan làm thị giả cho Thế Tôn, nhưng hiền giả A Nan đã xin Thế Tôn thỏa thuận cho ba điều tự nguyện: Không đáp y của Thế Tôn, dù mới hay cũ, không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Thế Tôn và không gặp Thế Tôn chẳng đúng thời. Nếu Thế Tôn cho phép A Nan được ba điều ấy thì A Nan mới làm thị giả hầu Thế Tôn.

- Nay Đại Mục Kiền Liên, Tỳ kheo A Nan thông minh, trí tuệ, dự đoán biết trước có những lời tự hiềm, hoặc các vị đồng phạm hạnh sẽ cho rằng: “A Nan vì cơm áo mà hầu hạ đức Thế Tôn”. Đây là pháp vị tăng hữu của A Nan. Do đó, đức Thế Tôn đã đồng ý với ba điều kiện trên. Từ đó, A Nan trở thành thị giả, hầu cận bên cạnh đức Phật.

Tỳ kheo A Nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, khéo biết lúc nào tự mình cần gặp đức Như Lai. Lúc nào nên cho và không nên cho Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, chúng Ưu Bà Tắc, chúng Ưu Bà Di, hay Sa môn, Phạm Chí, dị học đến gặp Như Lai, thuận lợi hay không thuận lợi. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm mà đức Như Lai thường dùng

được an ổn, và loại thức ăn nào đức Thế Tôn dùng rồi không được an ổn, nhẹ nhàng.

Tỳ kheo A Nan, mặc dù chưa có tha tâm trí, nhưng có thể biết trước được đức Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai, khi Như Lai từ chỗ tịnh tọa dậy, vào buổi xế, hôm nay đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc thọ như vậy, nhận xét đúng lời Thế Tôn nói, chắc chắn không thể sai khác.

Một con người đa cảm, giàu tình thương nên lắm lúc thấy ai đau khổ hay ý nguyện không tròn thì A Nan sẵn sàng giúp đỡ mọi cách. Với một tình thương, giàu nhân ái đó mà A Nan đã đề bạt và bạch Phật cho hàng nữ nhân được xuất gia theo học giáo pháp Phật, trong khi đó cả Thánh chúng chẳng ai dám làm.

Lúc tối hậu, Thế Tôn sắp bát Niết bàn, Tôn giả A Nan quạt hầu Phật gơ tay gạt nước mắt, nghĩ như vậy: “Trước kia có đại chúng Tỳ kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bái thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng, cúng dường, lễ bái. Bây giờ họ nghe được Thế Tôn sắp bát Niết bàn thì sẽ không còn đến thăm viếng, cúng dường Thế Tôn nữa”.

Hiểu được tâm ý của A Nan, đức Thế Tôn an ủi:

- Nay A Nan, thầy chớ khóc lóc, cũng chớ buồn rầu, vì thầy hầu hạ Ta thân hành từ hòa, khẩu và ý hành từ hòa, chưa từng có hai tâm, an lạc vô lượng, vô biên, vô hạn. Nay A Nan, trong đời quá khứ, các bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh

Giác có người thị giả hầu cận, thì cũng không thể hơn thầy được, nay Ta là bậc Như Lai, Ứng Cúng trong đời hiện tại, nếu có người thị giả nào thì người thị giả đó cũng không thể hơn thầy được, vì thầy khéo biết thời, khéo phân biệt thời, điềm và hiểu biết ý Như Lai trong mọi trường hợp.

Bấy giờ Thế Tôn muốn làm cho Tôn giả A Nan vui vẻ, bèn bảo các Tỳ kheo rằng:

- Vị chuyển Luân Thánh Vương có bốn pháp vị tăng hữu, mà mỗi khi các hàng Sát đế lợi, cư sĩ hoặc Sa môn đến yết kiến, Chuyển Luân Thánh Vương dù nói hay im lặng, họ thấy mặt đều sanh tâm hoan hỷ, vui vẻ. Tỳ kheo A Nan cũng vậy, A Nan có bốn pháp vị tăng hữu mà mỗi khi chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đến tham vấn thì dù A Nan có nói hay im lặng, họ thấy A Nan rồi thì liền sanh tâm hoan hỷ, vui mừng.

Lại nữa, A Nan thuyết pháp cho đại chúng có bốn điểm vị tăng hữu. Mỗi khi A Nan thuyết pháp cho chúng Tỳ kheo, Tỳ Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, bằng lời chí tâm thành kính, cả chúng nghe rồi nghĩ như vậy: “Mong Tôn giả A Nan thuyết pháp không dừng lại nữa chừng”.

Khi nghe Tôn giả A Nan thuyết pháp, các chúng hoàn toàn tâm không chán nản, và Tỳ kheo A Nan vẫn ngồi im lặng.

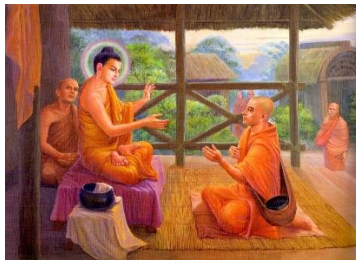
Lại nữa thuở ấy, Thế Tôn đã bát Niết bàn chưa được bao lâu, A Nan du hóa tại Kim Cang, trụ ở thôn Kim Cang. Bấy giờ thuyết pháp cho vô lượng

trăm nghìn đại chúng vây quanh. Hiện đó, có Tôn giả Kim Cang Tử cũng ở trong chúng, Tôn giả trong lòng suy nghĩ: “Hiền giả A Nan vẫn còn là bậc hữu học chưa ly dục sao, ta thử nhập Như Kỳ Tượng Định để quan sát tâm A Nan như thế nào?”.

Nghĩ rồi bèn nhập định, Tôn giả biết A Nan vẫn còn là bậc hữu học chưa ly dục, Tôn giả liền xuất định hướng về A Nan, nói bài tụng:

*Núi rừng vắng tư duy
Niết bàn khiến vào tâm
Thiền Cù Đàm không loạn
Sẽ sớm chứng tịch tịnh.*

Bấy giờ A Nan nghe lời dạy của Tôn giả Kim Cang Tử, rời bỏ chỗ đông người, sống một mình nơi yên tĩnh, tinh tấn không tán loạn, thời gian chẳng bao lâu các lậu dữ sạch, cho đến khi vừa mới nghiêng đầu chưa đung gỏi lòng bỗng nhiên khai ngộ, chứng tâm giải thoát.



Đại Ca Diếp

Có một hôm, đức Phật thị hiện tướng bệnh, ngài lặng lẽ nghỉ ngơi tịnh dưỡng. Vua Tần Bà Sa La nghe tin ấy, vội gọi ngự y là Kỳ Bà đi gặp Thế Tôn để trị bệnh cho Ngài.

Khi đức Phật đã lành bệnh, ngự y Kỳ Bà cứ muốn đem một lễ vật nào để cúng dường Ngài, nhưng nghĩ tới nghĩ lui hoài, ông không biết phải tặng lễ vật nào mới thích hợp. Cuối cùng, ông nhớ đã có lần chữa bệnh cho vua nước láng giềng, và vị vua này đã đền ơn ông bằng cách tặng một bộ quần áo thượng hảo hạng. Loại quần áo này phải là bậc đế vương mới dùng, duy chỉ có đức Phật mới xứng đáng mặc mà thôi. Ông đem bộ quần áo nói trên lên trình dâng đức Phật và nói :

- Thế Tôn, từ khi con bái kiến Như Lai cho đến nay, trong lòng cứ thắc mắc một chuyện. Thế Tôn thường nói, trên thế gian này thân thể của chúng ta khả dĩ đáng quý trọng, thế nhưng con thấy các vị đệ tử của Thế Tôn thường mặc quần áo rách rưới, dơ bẩn. Đứng trên cương vị của một y sĩ, con thấy có giải thích như thế nào đi nữa, làm như thế vẫn không hợp vệ sinh. Bộ quần áo này là do vua nước láng giềng thường tặng cho con, xin cho con được đem cúng dường lại cho Phật, cho con được trồng chút ít hạt giống phúc đức. Con cũng cúi xin Thế Tôn hãy nói với chư tỳ kheo, từ nay đừng mặc quần áo dơ bẩn rách rưới nữa.

Đức Phật không hề chấp trước một điều gì, nên đón nhận ý kiến của Kỳ Bà một cách vui vẻ, và cho người đi truyền nói với chư đệ tử tỳ kheo rằng :

- Mặc quần áo, không cần biết cũ hay mới, đều phải đơn sơ và sạch sẽ, và nhất định phải được khử trùng bằng ánh sáng mặt trời. Nếu ái nhiễm những bộ quần áo đẹp đẽ sang trọng là một điều không phải, thì mặc y phục dơ bẩn rách rưới để tỏ ra mình là người học đạo cũng không đúng pháp.

Lời đức Phật được truyền ra rồi, dân chúng Vương Xá Thành bèn tranh nhau may rất nhiều quần áo đem tặng chư tỳ kheo. Người cúng dường đức Phật và chư tỳ kheo rất đông, nên tin đồn ấy truyền đến tai một vị đại phú hào.

Vị phú hào ấy tên là Đại Ca Diếp, ở thôn Ma Ha Sa La Đà cách Vương Xá Thành không xa lắm. Ông thông minh học rộng, giàu có nhất thiên hạ, là nhân vật xuất chúng nhất của giai cấp Bà La Môn. Mỗi khi đức Phật thuyết pháp tại Trúc Lâm Tinh Xá, ông đều đến nghe giảng. Cuối cùng tâm ông từ từ tiêm nhiễm những lời giảng của Như Lai, ông còn nghĩ đến việc theo đức Phật xuất gia nữa.

Một hôm trên đường về, ông vừa đến gần tháp Đa Tử ở thành Vương Xá trong một vùng có rất nhiều gốc cây to cành lá xum xuê giao nhau, thì lạ thay, đức Phật cũng đang ngồi ngay tại đây mà tĩnh tọa. Ông nhìn mãi đức Phật trang nghiêm, uy nghi dường ấy, và thấy rằng không thể nào không đến lễ lạy Ngài được. Ông đến trước toà Như Lai chấp tay đánh lễ xong, khẩn khoản cảm động mà nói :

- Thế Tôn, Thầy của con ! Xin chấp nhận cho Đại Ca Diếp này quy y, từ nay con là đệ tử của Phật.

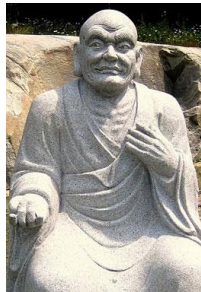
Đức Phật thấy rõ tín tâm của Đại Ca Diếp nên nói :

- Đại Ca Diếp, ông là đệ tử của ta, ta là thầy của ông. Trên thế gian này, nếu chưa chứng được chính đấng chính giác thì không thể thu nhận ông làm đệ tử. Ông hãy cùng ta đi nhé.

Đức Phật lặng lẽ đứng dậy, hướng về phía Trúc Lâm Tinh xá mà đi, Đại Ca Diếp đi sau lưng đức Phật một cách cung kính mà nước mắt rờn rờn tuôn xuống. Đức Phật quay đầu lại nhìn Đại Ca Diếp rồi nói :

- Hôm nay ta biết cơ duyên được độ hóa của ông đã đến. Tốt lắm, sau này việc lưu truyền Phật pháp sẽ cần đến ông rất nhiều.

Đức Phật hóa độ Đại Ca Diếp rồi, Phật pháp tại Vương Xá Thành đã có cơ sở vững chắc, tinh xá ở núi Linh Thứu cũng đã được thành lập. Vua chúa, người trí thức đến quy y rất đông, và sự giáo hóa của đức Phật càng được phổ biến thêm.



Ca Chiên Diên

Vâng theo lời dạy của đức Phật, tôn giả Ca Chiên Diên, vị "luận nghị đệ nhất" trong hàng tăng chúng đã tuyên dương chủ trương "bốn tính bình đẳng". Nhưng rất đông Bà La Môn biết được, không ai tin phục tôn giả. Hễ có cơ hội là họ tìm đến Ca Chiên Diên để bài bác, vắn nạn ngài. Họ nghĩ rằng, nếu không đánh ngã những biện luận của tôn giả thì từ đây về sau, Bà La Môn sẽ có hy vọng không ngược đầu lên được nữa. Tuy nhiên, ngài Ca Chiên Diên rất giỏi biện luận, khi gặp một vị Bà La Môn, đầu quyền uy tới đâu đến vắn nạn ngài, ngài chỉ cần dùng một vài câu ngắn gọn và đơn giản, thế là vị Bà La Môn nọ cuối cùng cũng phải vui vẻ mà thuận phục.

Có một hôm, tôn giả cùng các vị tỳ kheo bạn đồng tu, sắp bước vào trai đường bên cạnh hồ Ô Nê nước Ba La Nại dùng cơm, thì có một vị Bà La Môn lớn tuổi tìm đến khiêu chiến với ngài. Vị Bà La Môn già chống cây gậy, im lặng đứng bên cạnh tôn giả Ca Chiên Diên, những tưởng rằng khi nào Ca Chiên Diên nhìn thấy ông thì nhất định sẽ đứng dậy nhường chỗ cho ông ngồi. Nhưng nào có ngờ đâu, Ca Chiên Diên chẳng thèm ném cho ông một cái nhìn nữa. Ông kiên nhẫn đứng một hồi lâu, cuối cùng lớn tiếng trách mắng rằng :

- Mấy ông nghĩ sao mà thấy một vị trưởng giả lớn tuổi như tôi đến, lại không biết đứng lên mà nhường chỗ ngồi ?

Các vị tỳ kheo nghe thế thì giật mình, nhiều người còn vội vàng đứng dậy nhường chỗ ngồi cho vị Bà La Môn già, duy chỉ có Ca Chiên Diên là chẳng chút động lòng, còn hỏi lại rằng :

- Ông là ai mà tới đây la hét ầm ĩ như vậy ? Chúng tôi ở đây tôn kính phụng hành giáo pháp, nhưng tại chỗ này không có ai là trưởng giả hay là tiền bối của chúng tôi cả.

Vị Bà La Môn già nọ giận dữ đưa cây gậy đang cầm trong tay lên chỉ vào đầu tóc bạc phơ của mình mà hỏi :

- Số tuổi đã cao của ta không đủ cho ông tôn làm trưởng giả hay sao ? Không đủ cho các ông cung kính tôn trọng hay sao ?

- Ông ? Ông không thể tự xưng là trưởng giả, cũng không được chờ đợi chúng tôi cung kính tôn trọng.

Ca Chiên Diên trả lời bằng một giọng nói nhẹ nhàng nhưng cương quyết. Vị Bà La Môn già giận dữ đến cực điểm, dùng cây gậy chỉ vào mặt Ca Chiên Diên mà mắng.

- Tại sao ông lại khinh người đến thế ?

Ca Chiên Diên điềm nhiên trả lời rằng :

- Qua âm thanh, giọng nói của ông, và qua những cử chỉ thô bạo của ông, tôi nhận thấy rằng ông không xứng đáng được tôn làm trưởng giả, cũng không xứng đáng được người khác cung kính. Bởi

vì cho dầu ông có là một vị Bà La Môn 80, 90 tuổi, tóc bạc răng long, nhưng nếu không hề tu hành một cách chân chính, còn đắm mê sắc thanh hương vị xúc, chưa xả bỏ được những phiền não như tham, sân và ganh ghét, thì ông vẫn bị coi như trẻ nít. Còn giả sử ông là một thanh niên 20 tuổi, da dẻ chưa nhăn, đầu tóc đen nhánh, mà đã giải thoát được sự trói buộc của ái dục, đối với thế gian không có sự tham cầu, không có chút niệm tưởng bất bình nào, thì chúng tôi có thể xưng tán ông là trưởng giả, xem ông là người già dặn, xứng đáng cho chúng tôi thân tâm cung kính.

Vị Bà La Môn già nghe Ca Chiên Diên nói thế, không có lời lẽ nào để đối đáp, bèn lặng lẽ bỏ đi.



Tu Bồ Đề

Qua 45 năm thuyết pháp, tùy theo căn cơ trình độ của chúng sinh Đức Phật đã nói rất nhiều vấn đề. Từ những vấn đề đó, sau khi Phật vào Niết Bàn, giáo đoàn chia thành nhiều bộ phái và có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng không ngoài hai phái chính yếu là Nam Tông và Bắc Tông. Nam tông theo hệ kinh Pali, Bắc Tông theo hệ kinh Sanskrit. Trung tâm và cơ bản của Bắc tông là Bát Nhã (Prajñā). Trung Quốc dịch là Tuệ, Trí tuệ, Không trí. Trí tuệ của Bát Nhã không phải là trí thế gian, mà là loại trí tuệ siêu thiện ác vô phân biệt.

Trong bản chất trí tuệ này thanh tịnh và vắng lặng, trong suốt như hư không, cho nên gọi là không trí có nghĩa là trí tuệ hiểu về tánh không của các pháp, vì các pháp hiện tượng vốn là duyên sinh cho nên tự thể nó là không, thấy đều giả hữu, hết thấy đều vô ngã, sâu xa. Khi Phật nói kinh Bát Nhã trong số 1.250 vị đại A La Hán nói chung, 10 đại đệ tử nói riêng, người thấu hiểu không trí hơn hết là Tu Bồ Đề, bậc Giải Không Đệ Nhất.

Trong các sách sử, các đệ tử Phật đều có ghi chép lịch sử hoặc nhiều hoặc ít, riêng Tu Bồ Đề không có ghi chép về gia thế dòng họ. Tuy nhiên trong kinh điển Bắc Tông có chép về truyền thuyết sự tích của Tu Bồ Đề qua một vài chi tiết. Tôn giả chào đời ngay trong lúc gia đình như thiếu may mắn, tất cả tài sản rơi rớt, kho lẫm trống trơn một cách ngẫu nhiên. Cả nhà đều lo sợ, nhiều người cho là điềm lạ kéo đến quan sát luận bàn và cuối cùng

đều quyết đoán đó là một điềm lành, ngày sau đứa bé sẽ trở thành một nhân vật phi thường.

Dựa theo sự quyết đoán của số đông, bà mẹ đặt tên cho đứa bé là Tu Bồ Đề (Subhuti), có nghĩa là không sanh hay Thiện Cát (tốt lành), hay Thiện hiện (hiện điềm tốt). Quả thật về sau gia đình gặp nhiều điều may mắn, trở lại giàu có, tiền của tràn đầy kho lẫm. Tuy tuổi còn nhỏ Tu Bồ Đề không mấy thiết tha với tài lợi, cha mẹ cho bất cứ một vật gì Tu Bồ Đề đem bố thí hết cho người thiếu thốn. Với trí thông minh xét thấy muôn vật đều hư giả, trống không, tự thể cũng không thể chủ động, bởi thế khi gặp Đức Phật Tu Bồ Đề liền xin xuất gia.

Vì sẵn có từ tâm hay thương người nghèo khó, từ hồi còn nhỏ ở với cha mẹ Tu Bồ Đề thường đem của cải ban bố cho người. Nhiều lần bị cha mẹ rầy la, Ngài vẫn không từ bỏ hạnh bố thí.

Bởi thế sau khi theo Phật mỗi sáng đi khất thực, Tôn giả không nề dừng bước trước cửa những ngôi nhà lụp xụp xơ xác, có vẻ nghèo nàn, dù xa đến đâu Ngài cũng đến khất thực những gia đình giàu có. Với phong cách khất thực của Tôn giả, các đệ tử của Phật cho là khác thường và chẳng rõ vì sao? Bởi theo pháp hành hóa của Phật, Tỳ kheo phải tuần tự khất thực trước mỗi nhà dù nghèo hay là giàu đều phải dừng bước để cho người gieo giống phước điền. Đẳng này mỗi sáng ra khỏi Tinh xá Tôn giả tách đoàn đi riêng và tránh xa nhà nghèo, dù đôi lúc phải mang bát không về, chịu đói. Có người hỏi lý do, Ngài giải thích:

- Khất phú hay khất bản cũng đều vì lợi ích chúng sanh cả, nhưng khất người nghèo là tước đoạt phần ăn của họ, và lại nếu không có vật thực để cúng dường người nghèo có thể sinh buồn tủi, thế là vô tình đã gieo ưu sầu cho người.

Trong chúng đệ tử Phật, ngược với Tu Bồ Đề, có Ngài Đại Ca Diếp lại chỉ khất thực nhà nghèo, tránh xa nhà giàu. Vì theo Đại Ca Diếp người giàu đã có thừa phước báu khỏi cần đem phước báu lại cho họ, người nghèo mới cần đem gieo trồng phước báu, để mai sau khỏi bị nghèo túng. Bởi thế người xuất gia cần đem ruộng phước đến cho người gieo giống phước đức.

Thái độ của hai Ngài đã trở thành hai thái cực, nên đã bị Đức Phật quở trách. Theo Phật con người cần giữ tâm quân bình, không được phân biệt, thiên kiến. Người đứng lẫn ranh này tất phải đối đầu với lẫn ranh kia, cuộc đời vì có đối kháng mà tương tranh, mất bình đẳng gây nên nhiều thảm họa. Đức Phật đi xuất gia vì muốn san bằng cuộc sống bất công, từ đó giáo pháp của Phật hàm chứa tinh thần hòa đồng, không phân chia ranh giới, kể cả giàu và nghèo. Phép khất thực chân chính là không phân chia giàu nghèo, sang hèn, Tỳ kheo cần giữ oai nghi nghiêm túc, thứ lớp khất thực. Với đức tính trong sạch sẵn có, Tu Bồ Đề dễ dàng thuận theo lời Phật dạy, khi đi khất thực không còn phân chia giàu nghèo, đem phước điền đến cho tất cả mọi người.

Trong hàng Thánh chúng, Tu Bồ Đề dùng trí quán chiếu soi thấy tánh không của các pháp, thể chứng lý không, từ đó Tôn giả thường nói lý không và các

oai nghi tế hạnh đều biểu thị lý không. Tương truyền một hôm, tại động Kỳ Xà Quật trên núi Linh Thứu, trong lúc đang vá áo, Tôn giả dùng trí quán chiếu biết Đức Phật du hóa phương xa sắp trở về. Tôn giả ngưng việc vá áo định đi đón Phật nhưng liền nghĩ rằng: Phật là bậc vô ngã, pháp thân không tịch vắng lặng, ngã và ngã sở đều không, tuyệt dứt đối đãi. Phật đã từng nói không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả, các pháp rỗng lặng pháp tánh biến khắp không gian và thời gian. Pháp thân Phật ở đâu mà chẳng có, vì thế ta đi đón Phật có thể bị Phật quở trách là người hành tà đạo. Trong hội Bát Nhã Đức Phật đã nói: “Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, đó là người tà đạo, không thể thấy Như Lai”.

Sau khi suy nghĩ, Tôn giả ngồi vá áo một cách bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Lúc bấy giờ trên đường trở về Phật được Tăng đoàn và đông đảo quần chúng chuẩn bị đón tiếp vô cùng trang trọng. Trong số đó có Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc, vị chứng thân thông đệ nhất bên nữ, vận dụng thân thông để đón Phật trước nhất. Khi gặp Phật Liên Hoa Sắc đánh lễ và bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Nhờ có phép thân thông con hay tin Thế Tôn về và đến đây chờ đánh lễ Thế Tôn trước hơn ai hết”.

Trước nét hân hoan của Liên Hoa Sắc, Phật mỉm cười từ tốn nói rằng: “Liên Hoa Sắc! Người nghinh đón ta trước tiên chẳng phải là người”.

Nhìn bốn phía chẳng thấy ai, tất cả đều còn ở sau xa, với vẻ hoài nghi bàng hoàng, Liên Hoa Sắc quỳ thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Con vận dụng sức thân

thông khi đến đây chẳng thấy có ai cả. Thế ai là người đón Đức Thế Tôn trước con?”

Trong lúc Liên Hoa Sắc vừa chấm dứt câu hỏi, Ca Diếp và Tăng đoàn từ từ tiến đến. Đợi chúng Tăng quy tụ đông đảo, Phật mỉm cười nói với tất cả mà cũng để trả lời cho Liên Hoa Sắc, Phật nói: “Này các Tỳ kheo! Ta cảm ơn tất cả, các ông đã không quản xa xôi để đến đây đón ta, nhưng người gặp ta trước tiên chính là Tu Bồ Đề. Hiện giờ tại núi Kỳ Xà Quật, Tu Bồ Đề đang chiếu quán tánh không của các pháp. Người thấy thể tánh rỗng lặng như như bất động, chính là người trực tiếp nghinh đón ta trước nhất”.

Chúng đệ tử kể cả Liên Hoa Sắc, nghe Phật nói mới thấu rõ tướng của các pháp là hư vọng như chiêm bao, ảo thuật, bóng nước, ảnh tượng, sương mai, điện chớp. Thể tính các pháp là pháp không tịnh, ly ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả, Tu Bồ Đề đã thấu rõ chân lý đó nên Tôn giả là người đón Đức Thế Tôn trước hơn ai hết. Tôn giả xứng đáng là vị Giải Không Đệ Nhất trong hàng Thánh chúng.



Phú Lôu Na

Mùa Đông đã tàn, khí trời dần dần ấm áp. Dưới ánh sáng bình minh, muôn cánh hoa đang vươn mình phô sắc. Trên cành, chim chóc đã rời tổ cất tiếng hát trong trẻo, như để chào mừng ánh sáng đã trở về, hay để tiễn chân nhà Đạo sĩ sắp lên đường quên mình vì Đạo.

Trong thành Ba La Nại ngôi Tịnh xá Trúc Lâm kiến trúc trên một canh đồi rộng rãi, cây cối um tùm tĩn mịch dần dần hiện rõ trong đám sương mù.

Lúc bây giờ Đức Thế Tôn đang an tọa trong Tịnh xá Trúc Lâm, dùng đạo nhãn thấy dân chúng ở nước Rô Na Ba Răn Ta đang chịu nhiều điều thống khổ dưới quyền thống trị của nhà cầm quyền Kê Hoa Đà người Bà La Môn giáo. Người ấy đã dùng bạo thế lực sẵn có trong tay, ép buộc dân chúng phải tôn thờ Phạm Thiên và ngược đãi bắt bớ những người chống đối lại.

Trước hành động bạo ác và bất công ấy, Đức Thế Tôn thương hại cho Kê Hoa Đà là một nhà trí thức mà hiện tại không có người hướng dẫn sáng suốt tương lai không tránh khỏi ác báo trong ba đường. Bây giờ Đức Thế Tôn thấy trong hàng đệ tử, chỉ có Tôn giả Phú Lôu Na là người có thiện duyên với dân chúng xứ ấy nên sai đến đó để giáo hóa.

Đức Thế Tôn biết rằng: Trên con đường truyền bá Chánh Pháp dắt người trở về con đường tươi sáng của ánh đạo Từ bi, tôn giả Phú lôu Na sẽ gặp nhiều trở ngại thử thách của đời thử.

Biết vậy, nên Đức Thế Tôn gọi Tôn giả Phú lâu Na đến dạy rằng: “Dân xứ ấy và Kê Hoa Đà độc ác lắm, ta sợ nguoi không đủ can đảm để chịu đựng”.

Tôn giả Phú lâu Na đáp: “Bạch Thế Tôn, con nguyện đem hết năng lực để làm tròn sứ mạng”.

- Nếu đến đó bị chửi mắng, thì nguoi nghĩ sao?

- Con nghĩ, những lời chửi mắng kia cũng như những tặng phẩm nếu họ đem đến tặng cho con, con không nhận, họ sẽ mang về. Và con nghĩ rằng, những người ấy còn hiền từ lắm, vì họ chỉ chửi mắng mà không nhận nước con.

- Nếu họ đem nhận nước nguoi?

- Con nghĩ rằng, họ là những người tối dạ, và chỉ nhận nước mà không lấy đá ném vào đầu con.

- Nếu họ dùng đá ném vào đầu nguoi?

- Con nghĩ rằng, họ rất tốt vì chỉ lấy đá ném vào đầu mà không dùng gậy đập con.

- Nếu họ dùng gậy đập nguoi?

- Con nghĩ rằng, họ rất hiền từ vì chỉ dùng gậy đập mà không giam cầm, ngăn cản bước đường truyền đạo của con.

- Nếu họ giam cầm nguoi?

- Con nghĩ rằng, những người ấy rất tử tế, vì họ giúp con có thời gian tịnh dưỡng để nung luyện thêm ý chí, mà không dùng gươm đâm chém con.

- Nếu họ lấy gươm đâm chém nguoi?

- Con nghĩ rằng, họ rất tốt bụng, vì chỉ đâm chém mà không giết chết con.

- Nếu họ giết chết người?

- Bạch Thế Tôn, con rất vui mừng, vì những người kia đã dùng tâm từ bi giúp cho con sớm thoát khỏi tám thân giả tạm đau khổ này, để chóng thành quả vị Vô Thượng Giác.

Đức Thế Tôn dạy: “Hay thay! Hay thay! Phú Lâu Na người đã có một ý chí mạnh mẽ. Người đã biết khinh thường thân mạng để phụng sự chân lý. Người thật là một người đệ tử trung kiên của ta, đáng thay ta đến xứ ấy truyền bá Chánh pháp hướng mọi người trở về con đường sáng đầy an lạc và giải thoát”.

Tôn giả Phú Lâu Na đánh lễ, vâng lời Phật dạy rồi từ giả lên đường sang xứ Rô Na Ba Răn Ta.



A Na Luật

Sau khi thành đạo Đức Phật xuống núi, đi giáo hóa khắp nơi, Đức Phật cũng không quên trở về thành Ca Tỳ La Vệ thuyết pháp cho hàng vương tôn công tử, và đã khuyến hóa được nhiều thân thuộc xuất gia. Trong số 7 vương tử đi xuất gia có A Na Luật là bậc Thiên Nhân Đệ Nhất.

A Na Luật (Anirudha), là em ruột của Ma Ha Nam (Ma Ha Bạt Đề), con thứ của Cam Lộ Phạm Vương dòng Sát Đế Lợi. Ma Ha Nam đã được Phật Thích Ca đưa lên ngôi vua nước Ca Tỳ La Vệ, sau ngày vua Tịnh Phạm băng hà. Cam Lộ Vương là em thứ hai của Tịnh Phạm Vương, do đó A Na Luật là em họ của Phật Thích Ca. Lúc tuổi thơ, A Na Luật là một cậu bé được nhiều người thương mến. Ngài rất thông minh, hoạt bát, có tài âm nhạc hay ca hát, làm điệu bộ trước đám đông khiến ai cũng yêu quý. A Na Luật được nuông chiều nuôi dưỡng trong hoàng cung, và bạn cùng chơi với Bạt Đề và Kiếp Tân Na một cách ngây thơ, hồn nhiên.

Khi đến tuổi trưởng thành A Na Luật có vóc dáng anh dũng, diện mạo khôi ngô tuấn tú, nên được nhiều thiếu nữ mơ tưởng đeo đuổi, nhưng với bản tính đoan chính, A Na Luật chẳng hề bị sắc dục làm xao động.

Lúc Đức Phật về Ca Tỳ La Vệ thuyết pháp, thấm nhuần mưa pháp xem nhẹ lạc thú trần gian, A Na Luật cùng với anh là Ma Ha Bạt Đề và A Nan, Đề Bà, Kiếp Tân Na, Bà Sa Nam Đề và La Hầu La

quyết tâm theo Phật xuất gia học đạo. Cả 7 vương tử kéo theo Ưu Ba Ly, một thợ cạo râu tóc thuộc giai cấp Thủ Đà La đi theo. Được Phật chấp nhận, Ưu Ba Ly cạo bỏ râu tóc cho 7 vương tử. Khi về đến Tinh xá, để thử xem các vương tử đã thật sự loại được tâm đắm say lạc thú hay chưa, Đức Phật bảo cả 7 vị vào tịnh thất tĩnh tọa 1 tuần lễ rồi mới cho nhập giáo đoàn.

Nhờ nghiêm trì phạm hạnh không bị nữ sắc cám dỗ, A Na Luật rất được mọi giới kính ngưỡng, nhưng A Na Luật chưa loại trừ được ma mê ngủ. Mỗi khi vào giảng đường nghe Phật thuyết pháp dù đã hết sức cố gắng, A Na Luật vẫn thường ngủ gục. Vài ba lần A Na Luật đã bị Phật quở trách. Một hôm Phật gọi A Na Luật đến bảo rằng:

- Nay A Na Luật! Ông xuất gia học đạo vì sợ phép nước hay sợ trộm cướp.

- Bạch Thế Tôn! Không phải như vậy.

- Thế vì lý do gì mà ông xuất gia?

- Bạch Thế Tôn vì con chán cảnh sinh, lão, bệnh, tử và muốn giác ngộ, giải thoát hết các khổ não.

- Nay A Na Luật! Ông là con người đoan chính, phạm hạnh không sa ngã bởi nữ sắc, cho nên được giáo đoàn kính trọng. Tính háo sắc, người đời khó trừ được còn ông là người không mù quáng, thế tại sao tính ham ngủ ông lại không dẹp bỏ được? Trong lúc nghe pháp mà ngủ thì bao giờ mới chứng đạo giải thoát?

Nghe Phật quở, A Na Luật quỳ lạy sám hối và phát lời thề rằng:

- Bạch Thế Tôn con xin sám hối tội hay ngủ gục trong lúc nghe pháp, cúi xin Đức Thế Tôn lượng thứ. Từ nay về sau con sẵn sàng chịu mọi cực hình miễn sao diệt trừ được tật xấu ngủ gục.

Từ đó Tôn giả quyết tâm không ngủ. Lúc nào cũng mở to đôi mắt nhìn vào khoảng không, từ đầu hôm đến sáng, từ sáng đến chiều không chớp mắt. Sức người có hạn, sau những giờ làm việc mệt nhọc, con người cần có giấc ngủ để lấy lại sức lực. Sự vận hành của thiên nhiên giữ cho con người được thăng bằng. Mặt trời xuất hiện soi sáng mọi vật, giúp con người hoạt động. Mặt trời đi ngủ khiến không khí mát mẻ, bóng đêm tràn ngập, giúp con người ngủ nghỉ để tâm hồn bình thản, trái với thiên nhiên, con người mất hết sức lực. Mất ngủ là một bệnh, cơ thể đã dạn, hai mắt sưng húp. A Na Luật đã cải thiên nhiên, ngòi chong mắt hết ngày nọ đến ngày kia, khiến hai mắt sưng vù.

Từ trên pháp tòa, nhìn thấy A Na Luật đã sưng vù hai mắt, Phật rất lo lắng gọi đến và dạy rằng:

- Này A Na Luật! Người tu hành hãy tránh hai thái cực: Bất cập hoặc thái quá đều chẳng đạt đạo. Dây đàn căng quá hoặc chùng quá khiến đàn không kêu, dây đàn vừa phải, tiếng đàn mới thánh thót. Sự tu hành phải đi theo con đường trung đạo. Ông không nên hành đạo theo con đường thề độc của ông, nguy hiểm lắm đạo chưa đạt mà mắt đã mù, sẽ chịu thiệt hại nhiều thứ.

- Bạch Thế Tôn! Con không thể trái nguyện, xin Thế Tôn cho con được giữ tròn.

- Này A Na Luật! Sống trong đời con mắt rất cần yếu, mắt bị mù sẽ không thấy biết gì hết. Con người sống được nhờ ăn, có ngủ nghỉ con mắt mới tinh sáng. Giấc ngủ là thức ăn của con mắt, ông không ngủ tức là bắt mắt nhịn đói, đói ngủ nó sẽ mù sức khỏe của ông cũng sẽ kiệt, sức kiệt thì làm thế nào tiến đến Niết Bàn, ông nên biết Niết Bàn cũng cần thức ăn.

- Bạch Thế Tôn! Thế thức ăn của Niết Bàn là gì?

- Thức ăn của Niết Bàn là không buông lung, người không buông lung mới đạt Niết Bàn.

Mặc dù Phật từ mẫn khuyên bảo, Tôn giả vẫn không nghe cứ tiếp tục cố mở mắt, một thời gian ngắn, đôi mắt bị mù. Một hôm Tôn giả mặc một tấm áo, biết có chỗ rách bèn ngồi vá áo, nhưng không biết mượn ai khâu chỉ vào kim, Phật đến trước A Na Luật và nói: “Đề ta khâu giúp cho”.

Tình thương của Phật thật bao la, A Na Luật rất cảm động. Khâu chỉ xong, Phật trao kim lại nhưng A Na Luật cũng chẳng thấy đề may, tay cứ mân mê cái áo. Thấy thế Đức Phật lại bảo: “Đề ta giúp cho”.

Suốt ngày Phật nắm tay A Na Luật hướng dẫn để mũi kim lên xuống đều đặn, mãi đến chiều ba y đã vá xong. Đề giúp cho A Na Luật không cần mắt thịyet vẫn thấy xuyên suốt ba ngàn thế giới, Phật dạy A Na Luật phương pháp nhập định, luyện phép thiên

nhân. Bản chất vốn hay cương quyết, lại tuyệt đối tin Phật, A Na Luật chứng được Thiên Nhân Thông. Được giáo đoàn suy tôn là bậc Thiên Nhân Đệ Nhất trong hàng Thánh chúng.

Sau khi chứng Thiên nhân thông Tôn giả đến trước Phật tỏ lòng biết ơn rồi thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bước đầu của người xuất gia là loại trừ tham sân, ngã mạn, tật đố, để bản thân có phẩm hạnh vô ngã, vị tha, và đem lại cho mọi người được nhiều phước lạc. Nhưng để tiến xa hơn đến chân trời giác ngộ, giải thoát và niết bàn, người xuất gia còn phải thực hành những gì xin Thế Tôn chỉ giáo.

Đức Phật hoan hỷ dạy rằng: - Hay thay! Hay thay! Người xuất gia cần phải hạ hóa thượng cầu. Ngoài việc làm lợi ích cho con người, cho xã hội, để giải thoát hàng Tỳ kheo cần phải thực hành "Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân". Đó là:

1/ Giác ngộ thế gian vô thường, đất nước nguy khôn, bốn đại khổ không, năm ấm không ngã, thầy đều sinh diệt, hư dối không thật, tâm là gốc tội, thân thể biến hoại. Quán sát như vậy dần lìa sinh tử.

2/ Giác ngộ tham dục gốc khổ dẫn vào sanh tử, thiếu dục vô vi thân tâm tự tại.

3/ Giác ngộ lòng tham không đáy, càng có càng cầu, càng thêm tội ác. Bỏ tất ngược lại, ít muốn biết đủ, vui đạo quên nghèo, bồi đắp trí tuệ.

4/ Giác ngộ lười biếng trụ lạc điều đáng tui hổ, luôn luôn tinh tấn phá trừ phiền não, hàng phục tứ ma chống khỏi địa ngục giam hãm.

5/ Giác ngộ ngu si là đầu mối của sanh tử, Bồ tát chăm lo học rộng nghe nhiều, tăng trưởng trí huệ sớm được biện tài, giáo hóa chúng sinh.

6/ Giác ngộ nghèo khổ sinh hận tạo thêm duyên dữ, Bồ tát không oán không ghét người ác, oán thân bình đẳng.

7/ Giác ngộ dục là nguồn họa, còn ở thế gian, tâm không đắm dục, tâm chí hướng về chí hạnh xuất gia giữ hạnh thanh bạch, cầu hạnh thanh tịnh thương khắp mọi loài.

8/ Giác ngộ lửa sinh lửa tử, ngày đêm thiêu đốt, biển khổ không bờ, phát tâm độ sinh, thay hết chúng sinh, chịu vô lượng khổ khiến đều an vui.

Này A Na Luật! Chư Phật thường khai thị tám điều trên đây. Muốn được giác ngộ cần vận dụng tâm từ bi rộng lớn làm nền tảng cho vấn đề tu phước và huệ. Người được như thế tất sẽ thành đạt cứu cánh Niết Bàn, thường lạc ngã tịnh.



Ưu Ba Ly

Trong cuộc sống, từ quốc gia xã hội, đến đoàn thể, luật pháp, nội quy, điều lệ là những điều kiện giúp cho tổ chức được kiên toàn, vững mạnh, trường tồn. Ngược lại trong một tổ chức có nhiều người không giữ nội quy, điều luật sẽ trở thành ô hợp dễ tan rã, cụ thể như trong quân đội nếu không có kỷ luật sắt, khi ra trận sẽ bị thất bại. Với tôn giáo cũng thế, tín đồ không tuân giữ điều răn cấm, đạo giáo sẽ bị suy tàn. Khi Đức Phật sắp Niết Bàn, Ngài A Nan hỏi Phật nhiều vấn đề trong đó có câu hỏi:

- Sau khi Thế Tôn Niết Bàn chúng con nhận ai làm thầy?

Đức Phật trả lời:

- Hãy lấy giới luật làm thầy, giới luật còn đạo ta còn.

Như vậy người Phật tử không luận tăng hay tục đều phải tuân giữ giới luật. Trong số các vị đại đệ tử của Phật có Ưu Ba Ly là người tu hành, hành trì giới luật rất đầy đủ. Do đó Ngài được suy tôn là bậc Trì Giới Đệ Nhất.

Ngày xưa ở Ấn Độ luật Ma Nu chia thành phần xã hội ra làm 4 giai cấp: Bà La Môn, Sát Đế Lợi, Phệ Xá, Thủ Đà La.

Người sinh vào giai cấp nào phải giữ truyền thống của giai cấp đó. Người sinh vào dòng Bà La Môn được làm đạo sĩ học thánh điển Vệ Đà, lo việc tế tự.

Người sanh vào dòng Sát Đế Lợi được làm vua chúa quan quyền, cai trị Ấn Độ. Người sinh vào dòng Phệ Xá mãi mãi là công thương. Người sinh vào dòng Thủ Đà La suốt đời làm nô lệ, bị bạc đãi nhất trong xã hội, khi ra đường Thủ Đà La gặp đạo sĩ hoặc vua quan, phải tìm bờ bụi ẩn nấp, nếu lên nhìn sẽ bị móc mắt. Nếu nói tên Bà La Môn bị cắt lưỡi, không tuân pháp luật vua quan bị đổ dầu sôi vào lỗ tai. Ưu Ba Ly sanh vào dòng Thủ Đà La, bởi thế ngay từ thuở nhỏ đã không được hưởng quyền lợi về học vấn. Lúc lớn khôn cha mẹ định chọn cho Ưu Ba Ly một nghề sinh nhai, nhưng trong các nghề mà người nô lệ được phép làm như lao động tay chân, cày cuốc, đánh xe, giữ ngựa, gánh phân, Ưu Ba Ly không đủ sức vì ốm yếu mảnh mai. Cuối cùng Ưu Ba Ly được chọn đi học nghề thợ cạo râu tóc, nghề nhẹ nhàng nhất, học chẳng bao lâu Ưu Ba Ly thành thạo nghề nghiệp một cách tài tình.

Nhờ có người giới thiệu, Ưu Ba Ly được nhận vào vương cung Ca Tỳ La Vệ để hót cạo râu tóc cho các vương tôn công tử. Nhờ đức tính thuần lương nhu mì, trung hậu, Ưu Ba Ly được các vương tôn công tử tín nhiệm và cho ở lại trong cung đình. Ma Ha Bạt Đề, A Na Luật, Kiếp Tân Na rất thích Ưu Ba Ly, qua sự khéo léo tay nghề. Khi Đức Phật trở vào thành Ca Tỳ La Vệ, Ưu Ba Ly được đưa đến cạo tóc cho Phật. Tương truyền, vì lo ngại thất lễ, lúc cạo tóc Ưu Ba Ly khom lưng, cúi đầu. Mẹ của Ưu Ba Ly hỏi Phật về kỹ thuật của con, Phật bảo: "Thân thể rất cong".

Nghe thế Ưu Ba Ly ngẩng đầu lên và tập trung tâm ý trong việc hót tóc, tâm Ưu Ba Ly thể nhập sơ

thiền. Mẹ Ưu Ba Ly lại thưa Phật về kỹ thuật, Phật bảo: "Lúc này thân thể ngay thẳng". Nghe Phật phát biểu ý kiến, Ưu Ba Ly càng nhất tâm hơn, không dám suy nghĩ vọng tưởng gì ngoài việc cạo tóc, tâm Ưu Ba Ly thể nhập nhị thiền. Vì quá chú tâm hơi thở dồn dập nên khi bà mẹ lại hỏi Phật về cách cạo có nhẹ nhàng không? Phật nói: "Hơi thở vào quá thô". Nghe nói Ưu Ba Ly lại tập trung tâm ý vào hơi thở, thể nhập tam thiền.

Lúc cạo gần xong râu tóc, bà mẹ lại hỏi Phật xem Ưu Ba Ly đã thiện nghệ hay chưa, Phật nói: "Hơi thở quá thô". Vì quá chú tâm đến công tác, Ưu Ba Ly không còn tưởng niệm gì cả, Đức Phật biết Ưu Ba Ly đang ở trong trạng thái tứ thiền. Hốt cạo râu tóc cho Phật xong Ưu Ba Ly thấy lòng thư thái, sung sướng vô cùng, vì đã có dịp tiếp cận với Phật. Qua sự chú tâm lưu ý đến việc hốt tóc, nhất là mỗi khi nghe Phật phê phán, Ưu Ba Ly cố sức sửa đổi tâm tư động tác, những cử chỉ đó đã mở đầu cho thấy Ưu Ba Ly sẽ là một con người rất nghiêm túc trong từng tác phong cử chỉ. Bởi thế, sau khi xuất gia Ưu Ba Ly trở thành vị trì giới đệ nhất.

Trong thời gian lưu lại thành Ca Tỳ La Vệ Đức Phật đem giáo pháp đã chứng ngộ truyền giảng, tất cả các vị hoàng thân, vương tôn, công tử và bá quan đều vô cùng hoan hỷ và tán thán Đức Phật. Nhờ thấm nhuần mưa pháp một số vương tôn từ bỏ cuộc sống giàu sang nơi cung vàng để xin theo Phật xuất gia. Ngoài các vị đã xuất gia từ trước như Ma Ha Nam, Ma Ha Bạt Đề, kỳ này có các vị như Đề Bà Đạt Đa và A Nan con vua Bạch Phạn. A Na Luật con Cam Lộ Vương. Ma Ha Bà Sa con Hộc Phạn

Vương và La Hầu La cháu nội vua Tịnh Phạn. Khi được Phật nhận A Na Luật hằng hái gọi Ưu Ba Ly đến nhờ cạo tóc. Ưu Ba Ly vốn là người đã hầu hạ Bạt Đề ngày trước. Rồi tuân tự Ưu Ba Ly cạo tóc cho các vương tôn công tử khác. Vốn đã được gặp Phật trong khi cạo tóc cho Phật từ trước, nay thấy cảnh xuất gia nồng nhiệt, vui vẻ của các vương tôn tại hoàng cung, Ưu Ba Ly thấy tủi hổ cho thân phận kẻ nô lệ, khôn có cách nào để xuất gia thoát tục. Ngài Xá Lợi Phất thấy vậy an ủi:

- Nay Ưu Ba ly! Vì chưa thấu hiểu được giáo thuyết bình đẳng của Phật ông mới buồn tủi và khóc than. Ông nên biết rằng trên đường giáo hóa, Đức Phật không có tâm phân biệt, người này giàu sang, kẻ kia ngu si nghèo đói, ai muốn xuất gia cầu giải thoát sinh tử luân hồi Phật đều nhận tất cả. Vì từ tâm của Phật là hơi thở của vạn vật, là mạng mạch của nhân sinh, là trái tim của chánh pháp, lòng từ bi đó không khác biển cả hay hư không. Biển cả dung chứa mọi sinh vật, làm sạch tất cả dơ bẩn do sông rạch chảy vào, hư không trùm khắp cả muôn loài, không loại trừ bất cứ một vật nào, có bao nhiêu loài hữu tình hay vô tình đều được dung chứa. Còn chúng sanh muốn được giải thoát, muốn được Đức Phật cho gia nhập giáo đoàn, cần yếu phải nghiêm trì giới luật. Với bản tính thật thà, khiêm cung, cần mẫn, chu đáo... sẵn có, được xuất gia ông sẽ giữ tròn giới pháp của Phật, ông hãy tin tưởng chớ chận nản, tôi sẽ hướng dẫn đến bái yết Phật, chắc chắn Phật sẽ hoan hỷ đón nhận.

Đúng như ý của Xá Lợi Phất, khi gặp Ưu Ba Ly Phật rất niềm nở đón nhận và dạy rằng:

- Nay Ưu Ba Ly! trước đây khi cạo tóc cho ta, ông đã biểu thị đức tánh của người xuất gia, rất khiêm cung lễ độ, chăm chú vào việc làm, tâm không dấy động. Tâm tâm của ông lúc đó đã chuyển từ trạng thái sơ thiền sang trạng thái tứ thiền, giờ này ông xin xuất gia rất là hợp thời điểm. Trước đây ta đi xuất gia một phần là vì muốn công bằng xã hội, do đó giáo pháp của ta mang tính bình đẳng trước mọi người oán cũng như thân, giai cấp cao cũng như giai cấp thấp. Bất cứ ai nếu tinh tấn giữ gìn giới luật tất sẽ được giải thoát, ta sẽ thế phát cho ông bây giờ. Còn lễ thế phát cho các vương tôn công tử sẽ cử hành sau bảy ngày nữa, vì đó là tuần huấn nhục, giúp họ tập quen khó nhọc, lãng quên tâm lý hưởng thụ giàu sang.

Trong các vương tôn đều xuất gia cùng một ngày, nhưng Phật cho Ưu Ba Ly thế phát trước, các vương tôn thế phát sau, với dụng ý như nêu trên. Ngày Bạt Đề xuất gia, Đức Phật bảo Bạt Đề hãy đánh lễ Ưu Ba Ly, lý do là vì Ưu Ba Ly lớn tuổi hơn. Những việc làm này, ngoài một phần như lý do đã nêu trên, còn có mục đích để phá tan tâm kiêu mạn của các vương tôn và cho thấy tinh thần bình đẳng của giáo pháp, nhằm xóa bỏ mọi giai cấp trong xã hội. Trên đường giáo hóa, Ưu Ba Ly là người đầu tiên thuộc giai cấp nô lệ được Phật thu nhận vào hàng đệ tử. Đó cũng là một bước tiến bộ đầu tiên đã ghi vào lịch sử văn minh Ấn Độ.

Ở trong tăng đoàn không những lo giữ giới luật, bàn với Phật nhiều điều về giới luật, Tôn giả còn xử lý các Tỳ kheo phạm tội, làm phép Yết ma sám hối, giảng giải giới luật cho các Tỳ kheo, Về phía nữ với

tính rụt rè, các tỳ kheo ni không dám đem vấn đề ra hỏi Phật, các vị thường đem những gì không biết hoặc còn nghi ngờ về luật học thưa hỏi Tôn giả. Ngoài Đức Phật ra Tôn giả gần như là người có đủ thẩm quyền quyết định về mọi vấn đề liên quan đến giới luật.

Sau khi Phật Niết Bàn trong cuộc kiết tập Kinh, Luật, Luận tại động Kỳ Xà Quật gồm 1.250 vị A La Hán do Đại Ca Diếp làm chủ tọa, Ngài A Nan tuyên trì tạng kinh, Ngài Ca Chiên Diên tuyên trì tạng luận, Ngài Ưu Ba Ly tuyên đọc 80 lần các giới luật do Phật chế. Từ cuộc kiết tập này bộ Bát Thập Tụng Luật được hình thành và đó là bộ luật căn bản đầu tiên của văn học Phật giáo. Theo Nam truyền sử, Tôn giả Ưu Ba Ly không những là vị kiết tập Luật tạng, mà còn là vị kế thừa Đức Phật lãnh đạo giáo đoàn và trở thành Sơ tổ. Đây cũng là điểm mà Phật giáo Bắc tông khác với Phật giáo Nam tông. Theo truyền thống Bắc tông: Đại Ca Diếp là vị Sơ tổ thừa kế Phật lãnh đạo giáo đoàn, nguyên nhân sự khác biệt này xét ra cũng dễ thấy.



Ba Xà Ba Đề

Mười lăm năm sau khi giác ngộ, Đức Phật cùng các đệ tử của Ngài trở về thành Ca Tỳ La Vệ khi nghe tin rằng cha của ngài bị ốm nặng.

Sau khi cha ngài qua đời, Hoàng hậu Ba Xà Ba Đề nói với Đức Phật, — Công chúa Da Du Đà La, các người hầu và ta rất mong ước được trở thành người tu hành. Mong đức Phật chấp thuận.

Đây là lần đầu tiên Đức Phật từ chối thu nhận đệ tử và ngài giải thích, — Cuộc sống tu hành rất khắc nghiệt với phụ nữ. Vì vậy, không nhất thiết phải từ bỏ nhà cửa và gia đình. Lời dạy của Đức Phật có thể học ở mọi nơi.

Sau đó, Đức Phật và tăng chúng rời Ca Tỳ La Vệ và đi đến thành Vệ Xá (Vesali). Tuy nhiên, Ba Xà Bà Đề đã không nản chí vì lời từ chối của Đức Phật. Bà đã cắt tóc, mặc áo choàng vàng, cùng với công chúa Da Du Đà La và những người phụ nữ dòng họ Thích Ca đi bộ đến thành Vệ Xá.

Hành trình dài làm chân họ bị sưng lên đau đớn. Khi đến được nơi Đức Phật đang thuyết pháp, mọi người ai cũng mệt mỏi và áo quần đầy bụi bẩn. Trong nước mắt, Ba Xà Ba Đề nói với A Nan Đà, người đi theo hầu hạ Đức Phật, — Xin ngài thưa với Đức Phật, cho chúng ta trở thành tỳ kheo ni.

A Nan Đà thấy rõ quyết tâm của họ xin quy y. A Nan Đà đã thưa với Đức Phật, — Thưa ngài, những

người phụ nữ có thể theo cuộc sống tu hành và có thể đắc quả Bồ Tát hay không?

Đức Phật trả lời,— A Nan Đà, phụ nữ có thể theo cuộc sống tu hành và có thể đắc đạo nếu tinh tấn tu tập. Tuy nhiên, ta lo ngại việc tu học của ni chúng sẽ khó khăn và ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài của đạo pháp.

Sau nhiều lần thuyết phục của A Nan Đà, cuối cùng đức Phật cũng đồng ý cho phép bà Ba Xà Ba Đề cùng những người nữ được xuất gia.

- A Nan Đà, hãy báo với Ba Xà Ba Đề và những người phụ nữ trong đoàn ta chấp nhận truyền giới cho họ.

Như vậy, Ba Xà Ba Đề, Da Du Đà La và những người nữ đi theo đoàn đã trở thành tỳ kheo ni. Từ đó, tăng đoàn tỳ kheo ni đã được thành lập.



Vi Đề Hi

Vi Đề Hi hoàng hậu của vua Bim Bi Sa Ra ở Ma Ga Đà Ha, một người xinh đẹp và cũng rất ưa thích cái đẹp.

Vua Bim Bi Sa Ra thường giục hoàng hậu, — Hãy đi với ta đến gặp Đức Phật.

Hoàng hậu nói, —Thiếp thích những âm thanh trong cung điện hơn.

Nhà vua đáp,— Nếu vậy, ta sẽ mang về đẹp của núi rừng về cho hoàng hậu.

Và vua đã làm đúng như vậy. Vua làm thơ về vẻ đẹp và sự tĩnh lặng của núi rừng, nơi Đức Phật đang ở. Thơ của nhà vua được đọc cho hoàng hậu nghe và giải trí.

Những bài thơ đã đánh thức trái tim của hoàng hậu và hoàng hậu trở nên vui thích. Một ngày kia hoàng hậu xin vua Bim Bi Sa Ra đưa hoàng hậu vào rừng để chiêm ngưỡng vẻ đẹp núi rừng.

Lúc đó, Đức Phật đang ngồi dưới cây hoa. Người hầu Đức Phật đẹp hơn cả hoàng hậu đang quạt cho ngài— Ta chưa bao giờ thấy một người nào đẹp như vậy! Hoàng hậu Vi Đề Hi thốt lên khi đến gần để quan sát.

Lúc hoàng hậu Vi Đề Hi đang ngắm nhìn, nhờ thần lực của Phật, Vi Đề Hi thấy người hầu xinh đẹp bắt đầu trở thành người phụ nữ già nua, da nhăn nheo

và tóc bạc. Bà ta già đi và càng lúc càng yếu đi mãi đến khi bà ta lăn xuống đất và chết. Mặc dù chỉ nhìn thấy cảnh đó trong chốc lát, Vi Đề Hi không thể giấu được nỗi sợ hãi của mình.

Đức Phật thương xót cho Vi Đề Hi và nói, “Sắc đẹp không kéo dài mãi. Người ưa chuộng sắc đẹp như con nhện giăng tơ quanh người nó. Con nhện sẽ không có lối thoát ra, và tự trói buộc mình. Không có sự ràng buộc nào là tự do thật sự”.

Vi Đề Hi chột hiểu lời dạy của Đức Phật và từ bỏ đam mê sắc đẹp của mình. Từ đó, bà đi theo Đức Phật, tu học siêng năng, và trở thành nữ tu sĩ với tên gọi là Ka Se Ma.



Cấp Cô Độc

Ở Sa Va Thi, có một người thương nhân giàu có tên là Su Dat Ta (Tu Đạt) sinh sống. Nổi tiếng khắp nơi, ông ta thường phân phát thức ăn, áo quần cho người cô đơn, người già, người nghèo. Vì vậy, ông ta nổi tiếng như là một Cấp Cô Độc, có nghĩa là — chu cấp, bố thí đến những người cô độc, nghèo khổ, không được che chở.

Khi Cấp Cô Độc đang buôn bán ở Ra Ja, ông ấy nghe câu chuyện về Đức Phật. Vì muốn được diện kiến Đức Phật, Cấp Cô Độc dậy sớm và ra đi từ lúc nửa đêm. Trên đường đi, ông ấy đã đi ngang qua một nghĩa trang nhưng ông ta vẫn tiếp tục hành trình dù rất sợ hãi.

Lúc trời rạng sáng, ông ầu đến khu vườn nơi Đức Phật đang ở. Ông ta quá đỗi vui mừng lễ sát đất trước Đức Phật và nói, Con mong muốn Đức Phật có cuộc sống thanh thản.

Đức Phật trả lời, — Đúng rồi, ta luôn luôn thanh thản trong cuộc sống. Không mưu cầu danh lợi, ta đã đạt đến trạng thái niết bàn. Khi vất bỏ những ràng buộc, ta vất bỏ hết khổ đau. Trong ý thức, ta rất bình thản.

Sau khi nghe lời dạy của Đức Phật. Cấp Cô Độc tiếp nhận Tam Bảo và trở thành cư sĩ. Ông ta đã mời Đức Phật đến thăm nhà và dùng cơm tại nhà ông ta ở Sa Va Thi. Đức Phật nhận lời mời.

Sau khi trở về Sa Va Thi, Cấp Cô Độc đã đi tìm kiếm nơi thích hợp để Đức Phật tu hành. Ông ta chọn một khu rừng của Thái tử Kỳ Đà (Jeta) cai quản, nơi rất lý tưởng để xây dựng tu viện. Tuy nhiên, Thái tử Kỳ Đà không muốn bán khu rừng cho dù với giá rất cao hàng trăm ngàn lượng vàng. Khi Cấp Cô Độc, vẫn khẳng khái muốn mua khu rừng của thái tử, thái tử đã quyết định ngăn cản Cấp Cô Độc. Thái tử đưa ra điều kiện mua bán mà thái tử nghĩ Cấp Cô Độc sẽ không có khả năng để đáp ứng. Thái tử Kỳ Đà tuyên bố rằng thái tử sẽ bán khu rừng với số vàng cần để trải kín hết diện tích của khu rừng.

Ngay sau khi Thái tử ra điều kiện, Cấp Cô Độc lập tức sai người hầu mang vàng ra trải xuống khu rừng. Ngoại trừ diện tích bị chiếm bởi cây cối, toàn bộ khu rừng đã được phủ vàng ngay sau đó. Thái tử Kỳ Đà sùng sốt bởi Cấp Cô Độc đã quyết tâm đáp ứng điều kiện của mình. Khi thái tử biết rằng khu rừng đã được mua cho Đức Phật, ông ấy nói với Cấp Cô Độc,— Đất là của ông nhưng cây cối là của ta. Ta sẽ biếu tặng những cây trong rừng như là phần cúng dường của ta cho Đức Phật.

Để nhớ ơn của thái tử, khu rừng đã được biết như là “Kỳ Đà Thọ, Cấp Cô Độc Viên”, nghĩa là cây của Thái tử Kỳ Đà và vườn của ông Cấp Cô Độc. Nơi đây, Đức Phật và các đệ tử tu hành trong nhiều năm và có nhiều bài thuyết pháp quan trọng đã được ghi lại trong kinh sách.